

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Đinh Thị Thanh Dung**  
**Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PHÂM HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Đinh Thị Thanh Dung  
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Trần Thị Thanh Thảo**

**HẢI PHÒNG - 2013**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đinh Thị Thanh Dung Mã SV:1354010214

Lớp: QT1305K Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng”

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2013***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

# MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	1
LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....	3
1.1 Những vấn đề chung về kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.....	3
1.1.1 Đặc điểm và chức năng của hoạt động kinh doanh thương mại.....	3
1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....	4
1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....	5
1.2 Các phương thức luân chuyển hàng hoá chủ yếu trong doanh nghiệp Thương Mại.....	5
1.2.1 Phương thức tiêu thụ trực tiếp.....	6
1.2.2 Phương thức đại lý bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng.....	9
1.2.3 Phương thức trả chậm, trả góp.....	10
1.2.5 Phương thức hàng đổi hàng.....	11
1.2.6 Các trường hợp tiêu thụ khác.....	11
1.3 Nội dung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....	11
1.3.1 Doanh thu bán hàng.....	11
1.3.1.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng.....	13
1.3.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.....	14
1.3.1.3 Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng.....	14
1.3.2 Các khoản giảm trừ doanh thu.....	15
1.3.3 Giá vốn hàng bán.....	17
1.3.4 Kế toán chi phí bán hàng.....	20
1.3.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp.....	22
1.3.6 Kế toán hoạt động tài chính.....	25
1.3.7 Kế toán hoạt động khác.....	27
1.3.8 Xác định kết quả kinh doanh.....	29
1.4 Các chứng từ và hệ thống sổ kế toán.....	31
1.4.1 Chứng từ sử dụng.....	31
1.4.2 Hệ thống sổ kế toán.....	31
1.4.2.1 Hình thức nhật ký chung.....	31
1.4.2.2 Hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	32
1.4.2.3 Hình thức Nhật ký chứng từ.....	32
1.4.2.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	32
1.4.2.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	33
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PHẨM HẢI PHÒNG.....	35
2.1 Tổng quan về công ty CP Công nghệ phẩm Hải Phòng:.....	35
2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	35
2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần CNP Hải Phòng:.....	36

2.1.2.1 Chức năng nhiệm vụ của công ty .....	36
2.1.2.2 Những thuận lợi, khó khăn và thành tích cơ bản của Công ty cổ phần Công nghệ phẩm Hải Phòng: .....	37
2.1.3 Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty Cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng.	38
2.1.4 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.....	42
2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty và quy trình luân chuyển chứng từ.....	43
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng: .....	45
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	45
2.2.1.1 Xác định doanh thu . .....	45
2.2.1.2 Chứng từ sử dụng . .....	45
2.2.1.3. Tài khoản dùng trong doanh thu bán hàng.....	47
2.2.1.4 Quy trình luân chuyển chứng từ.....	48
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	58
2.2.2.1.Nội dung giá vốn của công ty .....	58
2.2.2.2 Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng .....	58
2.2.2.3 Phương pháp hạch toán .....	58
2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng.....	62
2.2.3.1 Đặc điểm của chi phí.....	62
2.2.3.2 Tài khoản sử dụng.....	63
2.2.3.3 Chứng từ, sổ sách sử dụng .....	63
2.2.3.4 Quy trình hạch toán.....	64
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	68
2.2.4.1 Đặc điểm của chi phí.....	68
2.2.4.2 Tài khoản sử dụng.....	68
2.2.4.3 Chứng từ, sổ sách sử dụng .....	68
2.2.4.4 Quy trình hạch toán.....	69
2.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	74
2.2.5.1 Tài khoản sử dụng.....	74
2.2.5.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng .....	74
2.2.5.3 Quy trình hạch toán.....	74
2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	79
2.2.6.1 Tài khoản sử dụng.....	79
2.2.6.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng .....	79
2.2.6.3 Quy trình hạch toán.....	79
2.2.7 Xác định kết quả kinh doanh.....	87
2.2.7.1 Tài khoản sử dụng.....	87
2.2.7.2 Nguyên tắc hạch toán.....	87
2.2.7.3 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh .....	88
<b>CHƯƠNG III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PHẨM HẢI PHÒNG .....</b>	<b>97</b>
<b>3.1 NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ PHẨM HẢI PHÒNG.....</b>	<b>97</b>
3.1.1 Những mặt ưu điểm.....	97



3.1.1.1	Đối với công tác kế toán nói chung: .....	97
3.1.1.2	Hình thức, chứng từ và sổ sách kế toán áp dụng .....	97
3.1.1.3	Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:....	98
3.1.2	Những hạn chế chung.....	99
3.1.2.1.	Việc thu hồi công nợ .....	99
3.1.2.2.	Về tài khoản hạch toán chi phí.....	100
3.1.2.3.	Về việc áp dụng chiết khấu.....	100
3.1.2.4.	Về hoàn thiện sổ sách kế toán.....	100
3.1.2.5.	Về việc xây dựng mạng lưới máy tính.....	101
3.2	Một số ý kiến nhằm hoàn thiện việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng.....	101
3.2.1	Sự cần thiết và yêu cầu của việc hoàn thiện.....	101
3.2.2	Một số ý kiến nhằm hoàn thiện việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng.....	102
3.2.2.1.	Việc thu hồi công nợ.....	103
3.2.2.2.	Về lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho từng đối tượng.....	105
3.2.2.3.	Về việc hoàn thiện mẫu sổ kế toán.....	107
3.2.2.4.	Về việc luân chuyển chứng từ.....	110
3.2.2.5.	Về việc xây dựng mạng lưới máy tính.....	111
	KẾT LUẬN .....	112
	TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	113

---

## LỜI MỞ ĐẦU

---

Ở nước ta, sự ra đời của nền kinh tế thị trường đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp phát triển hơn tuy nhiên cũng buộc các doanh nghiệp muốn đứng vững trong thị trường mới cần phải có sự cố gắng tối đa trong quá trình quản lý, sản xuất kinh doanh. Trong xu hướng mới này, các doanh nghiệp phải tự thân vận động, phải tự lực hoạt động sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc lấy thu bù chi và làm ăn có lãi chứ không còn sự bao cấp của Nhà nước như trước kia nữa. Từ đó mục tiêu hàng đầu của các doanh nghiệp là làm tăng lợi nhuận trong khung luật pháp đã quy định. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức bộ máy quản lý kinh doanh và bộ máy tổ chức sao cho có hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, vấn đề sản xuất sản phẩm, tổ chức kinh doanh các hàng hóa dịch vụ sao cho phù hợp với thị trường cũng hết sức quan trọng. Tất cả những yêu cầu trên đều đòi hỏi sự nhanh nhạy và tận tâm với công việc.

Vì vậy hệ thống thông tin kế toán vô cùng quan trọng đối với sự sinh tồn và phát triển của doanh nghiệp. Hiệu quả quản lý của doanh nghiệp phụ thuộc vào chất lượng hệ thống thông tin kế toán của doanh nghiệp đó. Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, dữ liệu về các hoạt động sản xuất kinh doanh rất nhiều và rất đa dạng, vấn đề là phải quản lý chúng một cách có hiệu quả bằng cách xây dựng hệ thống liên lạc và xử lý thông tin rộng lớn và đầy đủ nhằm mục đích cung cấp chính xác và kịp thời thông tin cũng như làm cơ sở để ra các quyết định quản trị. Những nguồn thông tin quan trọng nhất phục vụ quản trị kinh doanh nghiệp đều xuất phát từ hệ thống thông tin kế toán.

Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh doanh. Việc ghi chép chính xác các nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng cùng với những kiến thức đã tiếp thu được trong quá trình học tập em xin mạnh dạn nêu ra những ý kiến của mình về vấn đề : *"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng"*, để qua đó em có cơ hội tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu và từ đó đưa ra những giải pháp của riêng mình đối với mảng đề tài này.

Mặc dù được sự giúp đỡ tận tình của cô giáo **Ths.Trần Thị Thanh Thảo** cùng các thầy cô trong trường và các anh chị trong phòng kế toán của công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng nhưng do bản thân em còn thiếu những kiến thức thực tế nên trong bài viết của em vẫn còn nhiều thiếu sót.

Em kính mong các thầy cô chỉ bảo hướng dẫn để em hoàn thành tốt bài khóa luận này và cả trong quá trình làm việc sau này.

Nội dung khóa luận của em gồm 3 chương sau (không kể lời mở đầu và kết luận)

*Chương I: Lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.*

*Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng.*

*Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng.*

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2013

*Sinh viên*

***Đinh Thị Thanh Dung***

**CHƯƠNG I****LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.****1.1 Những vấn đề chung về kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại.****1.1.1 Đặc điểm và chức năng của hoạt động kinh doanh thương mại.**

Thương mại là khâu trung gian nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng. Hoạt động thương mại là việc thực hiện một hay nhiều hành vi thương mại của thương nhân làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các thương nhân với nhau hoặc giữa thương nhân với các bên có liên quan bao gồm việc mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ thương mại và các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mục đích lợi nhuận hoặc nhằm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội. Kinh doanh thương mại có một số đặc điểm điểm chủ yếu sau:

- Đặc điểm về hoạt động: Hoạt động kinh tế cơ bản của kinh doanh thương mại là lưu chuyển hàng hoá. Lưu chuyển hàng hoá là sự tổng hợp các hoạt động thuộc các quá trình mua bán, trao đổi và dự trữ hàng hoá.

- Đặc điểm về hàng hoá: Hàng hoá trong kinh doanh thương mại gồm các vật tư, sản phẩm có hình thái vật chất hay không có hình thái mà doanh nghiệp mua về với mục đích để bán.

- Đặc điểm về phương thức lưu chuyển hàng hoá: Lưu chuyển hàng hoá trong kinh doanh thương mại có thể theo một trong hai phương thức là bán buôn và bán lẻ. Bán buôn hàng hoá là bán cho người kinh doanh trung gian chứ không bán thẳng cho người tiêu dùng. Bán lẻ hàng hoá là việc bán thẳng cho người tiêu dùng.

- Đặc điểm về tổ chức kinh doanh: Tổ chức kinh doanh thương mại có thể theo nhiều mô hình khác nhau như tổ chức công ty bán buôn, bán lẻ, công ty kinh doanh tổng hợp....

- Đặc điểm về sự vận động của hàng hoá: Sự vận động của hàng hoá trong kinh doanh thương mại cũng không giống nhau, tùy thuộc vào nguồn hàng và ngành hàng. Do đó, chi phí thu mua và thời gian lưu chuyển hàng hoá cũng khác nhau giữa các loại hàng.

Như vậy, có thể nói, chức năng của thương mại là tổ chức và thực hiện mua bán, trao đổi hàng hoá, cung cấp dịch vụ nhằm phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

### ***1.1.2 Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.***

Hoà mình vào sự phát triển kinh tế của nước nhà cùng với các chính sách mở cửa của nhà nước, tiến trình gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã đầy đủ và có hiệu lực làm cho hàng hoá xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày càng tăng tạo nên sức ép cho các công ty trong nước. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, hợp lý chặt chẽ, nghiêm túc có hiệu quả công tác quản lý tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận.

Qua quá trình doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để mỗi doanh nghiệp xây dựng các kế hoạch quản lý sản xuất, các biện pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh tăng nhanh vòng quay vốn liên tục mở rộng quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Muốn vậy, doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý và đặc biệt là công tác hạch toán kế toán - đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và đứng vững vì nó cung cấp cho ban lãnh đạo các thông tin số liệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để chống chọi với sức ép của thị trường và xu thế cạnh tranh toàn cầu, các doanh nghiệp phải tự chủ sản xuất, tự hạch toán kinh tế để có lợi nhuận cao nhất. Sử dụng các biện pháp quản lý để kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí nâng cao năng suất lao động để có hiệu quả kinh doanh cao nhất. Thực hiện được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhà nước, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên về vật chất và tinh thần.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình phản ánh với giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh, giúp cho các nhà quản lý thấy được hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ (biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hay lỗ) từ đó có những biện pháp hoạch định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

### ***1.1.3 Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.***

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

## **1.2 Các phương thức luân chuyển hàng hoá chủ yếu trong doanh nghiệp Thương Mại.**

Phương thức tiêu thụ hàng hoá có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán, phản ánh tình hình xuất kho hàng hoá, đồng thời có tính quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng, hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận.

**1.2.1 Phương thức tiêu thụ trực tiếp:**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

**\* Bán buôn**

Bán buôn hàng hoá là việc bán hàng cho các đơn vị thương mại hoặc bán cho các đơn vị sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của nhiệm vụ bán buôn hàng hoá hàng hoá chưa đến tay người tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng hàng hoá chưa được thực hiện đầy đủ.

+ Bán buôn qua kho: hàng hoá được tập trung tại kho của doanh nghiệp trước khi đem tiêu thụ.

- Đối với hình thức bán trực tiếp, khi người mua nhận được hàng theo hợp đồng, ký nhận vào các giấy tờ có liên quan. Khi đó hàng hóa không thuộc sở hữu của doanh nghiệp nữa, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu chưa thuế đồng thời phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp tính trên doanh thu ghi nhận.

- Đối với hình thức bán buôn qua kho theo hình thức gửi hàng, khi giao hàng cho khách, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới được chấp nhận là tiêu thụ. Kế toán ghi nhận doanh thu theo giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: Doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua không đem về nhập kho và vận chuyển thẳng cho bên mua. Xét về đối tượng tham gia có ít nhất 3 đối tượng tham gia mua bán.

- Nếu bên bán có tham gia thanh toán: Doanh nghiệp mua hàng của nhà cung cấp và chuyển đi bán thẳng cho bên mua hàng, phương tiện vận tải tự có hoặc thuê ngoài. Hàng hoá gửi đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi nào bên mua nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì doanh nghiệp mới ghi nhận doanh thu. Chi phí vận chuyển doanh nghiệp chịu hay bên mua phải trả tùy thuộc vào hợp đồng ký giữa hai bên.

- Trường hợp bán hàng vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán: Nếu không tham gia thanh toán, kế toán chỉ theo dõi số hoa hồng hưởng từ nhiệm vụ môi giới hàng cho nhà cung cấp hoặc cho khách hàng.

\* Bán lẻ:

Trong khâu bán lẻ, chủ yếu là bán thu bằng tiền mặt và thường thì hàng hoá xuất giao cho khách hàng và thu tiền trong cùng một thời điểm. Vì vậy thời điểm tiêu thụ đối với khâu bán lẻ thường được tiến hành theo các phương thức sau:

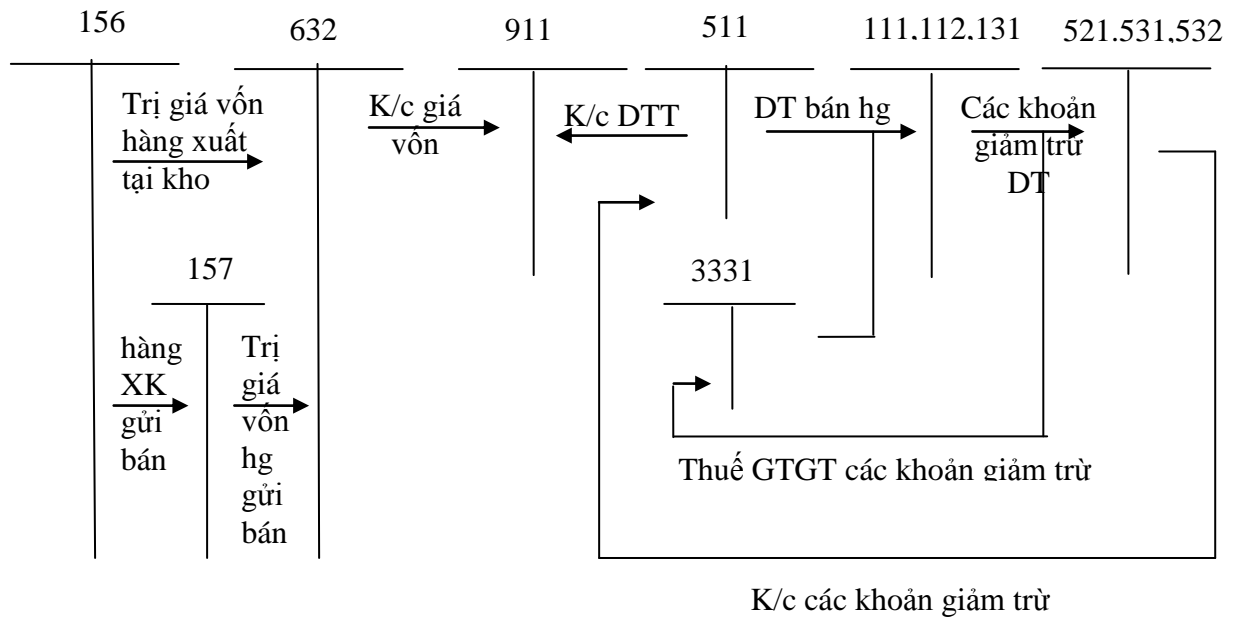
- Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: Phương thức này tách rời nhân viên bán hàng và nhiệm vụ thu tiền. Nhân viên thu ngân có nhiệm vụ viết hoá đơn thu tiền và giao hàng cho khách hàng để khách hàng đến giao nhận hàng ở quầy do nhân viên bán hàng giao.

Cuối mỗi ca hoặc cuối ngày, nhân viên thu ngân tổng hợp tiền, kiểm tra tiền và xác định doanh số bán. Nhân viên bán hàng căn cứ vào số lượng hàng đã giao theo hoá đơn để lập báo cáo bán hàng, đối chiếu với số hàng hoá còn để xác định số hàng thừa thiếu.

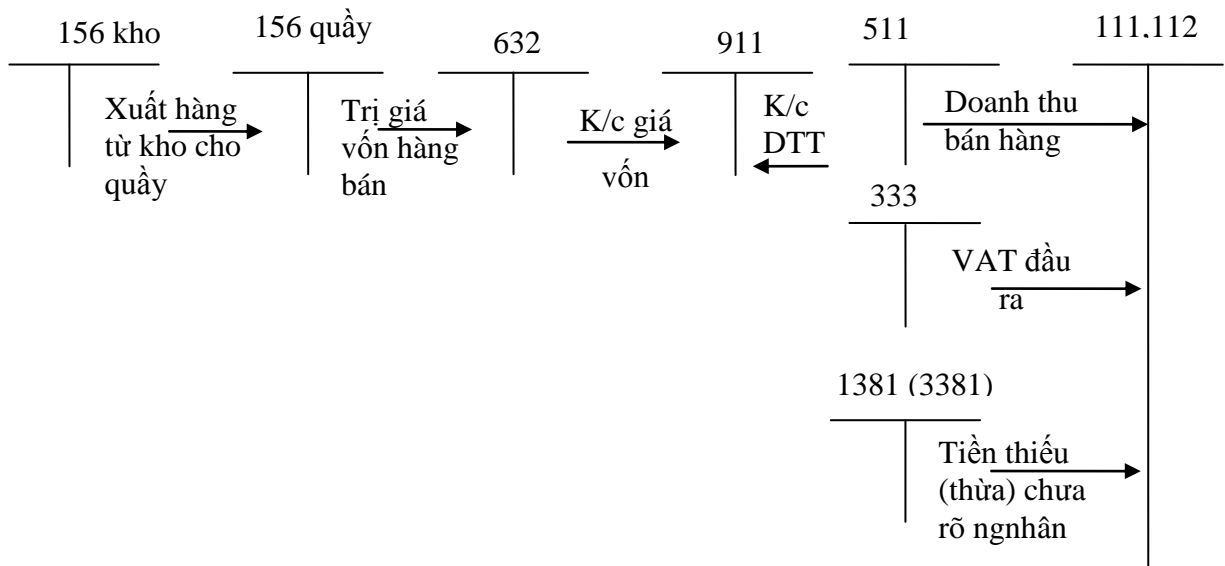
- Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao cho khách hàng. Cuối mỗi ca, nhân viên bán hàng kiểm tiền làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hoá hiện còn ở quầy và xác định lượng hàng hoá bán ra trong ca (ngày). Sau đó, lập báo cáo bán hàng để xác định doanh số bán, đối chiếu với số lượng đã nộp theo giấy nộp tiền.



\* Sơ đồ mô tả hình thức bán buôn



\* Sơ đồ mô tả hình thức bán lẻ:

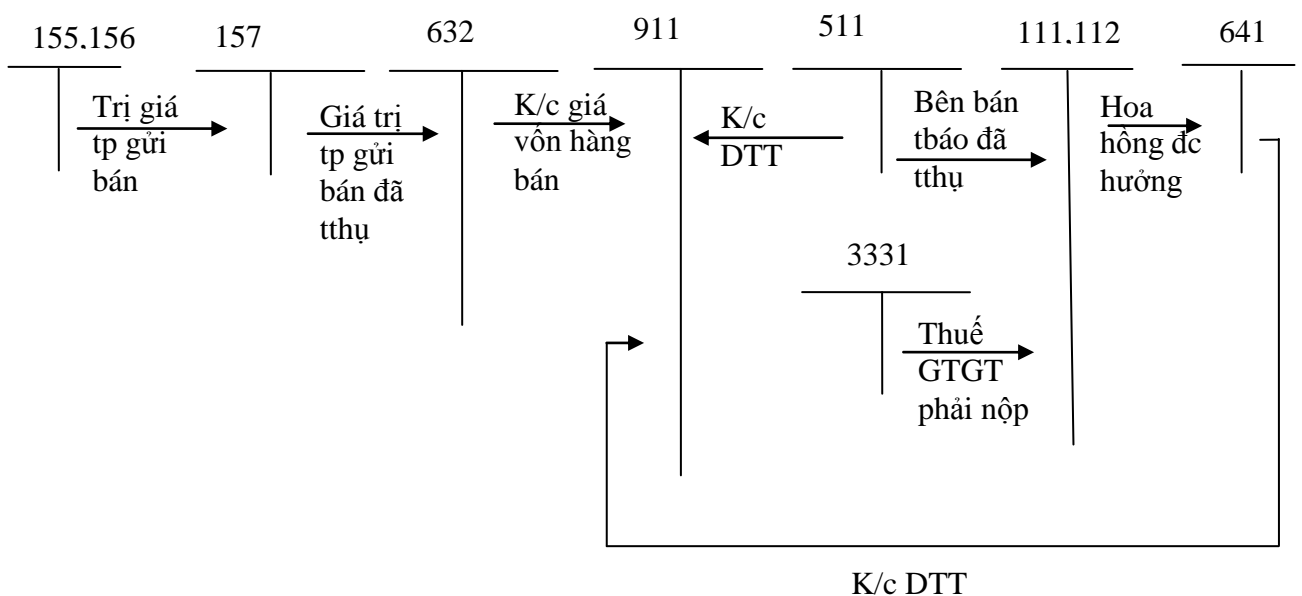


**1.2.2 Phương thức đại lý bán hàng đúng giá hưởng hoa hồng**

Là phương thức mà bên chủ hàng( gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý( bên đại lý ) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Khi xuất hàng gửi đi, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới chuyển quyền sở hữu và được ghi nhận doanh thu bán hàng.

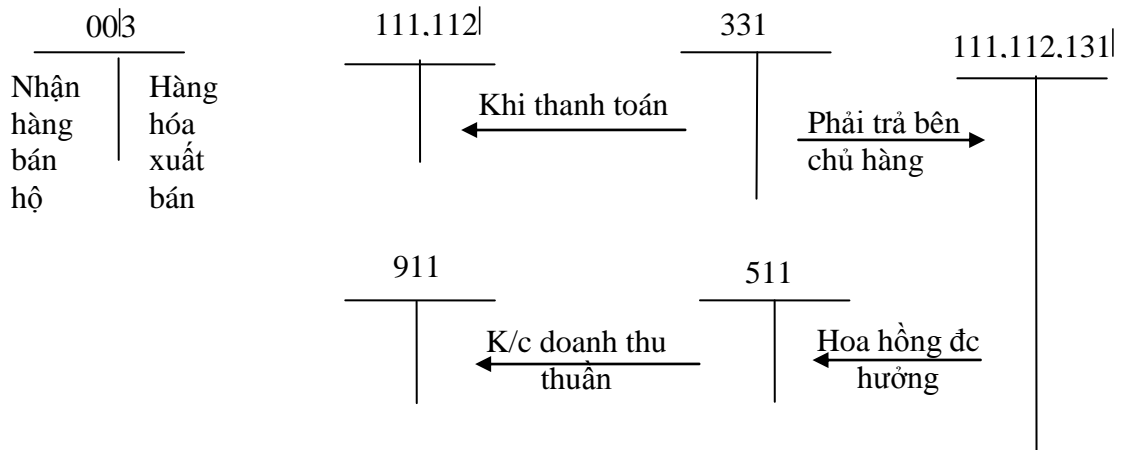
Theo luật thuế giá trị gia tăng ,nếu đại lý bán hàng theo đúng giá do bên giao đại lý quy định thì toàn bộ thuế VAT sẽ do chủ hàng chịu, bên đại lý không phải nộp thuế VAT trên phần hoa hồng được hưởng. Ngược lại, nếu đại lý hưởng khoản chênh lệch giá thì bên đại lý sẽ phải chịu thuế VAT tính trên phần giá trị gia tăng này, bên chủ hàng chịu thuế VAT trong phạm vi doanh thu của mình.

+ Kế toán tại đơn vị giao đại lý:



+ Kế toán tại đơn vị nhận đại lý :

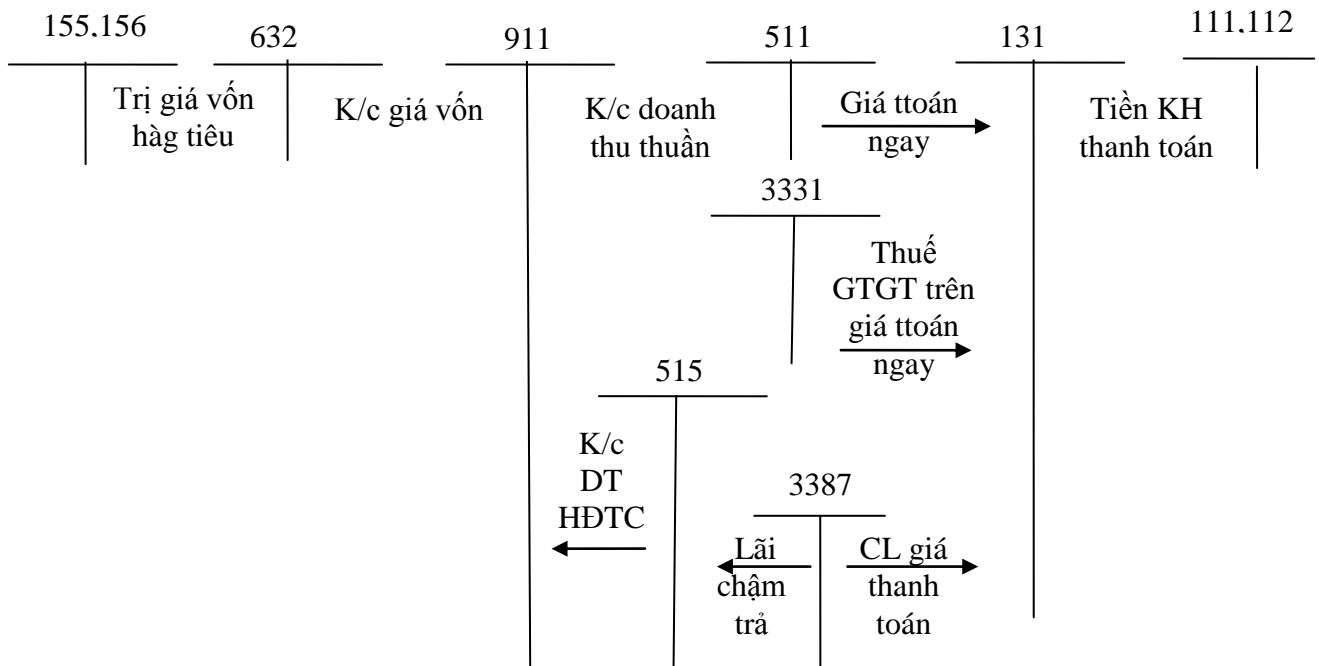
Kế toán ghi nhận toàn bộ trị giá vốn số hàng này vào bên nợ TK003- Hàng nhận bán hộ, ký gửi. Khi được xác định là tiêu thụ ghi nhận vào bên có TK 003. Doanh thu bán hàng là toàn bộ hoa hồng được hưởng do nhận bán đại lý.



**1.2.3 Phương thức trả chậm, trả góp.**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Theo phương thức trả góp, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

\* Sơ đồ mô tả hình thức bán hàng trả chậm, trả góp:



#### 1.2.4 Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu .

#### 1.2.5 Phương thức hàng đổi hàng.

Hàng đổi hàng là phương thức tiêu thụ mà trong đó, người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá của mình để đổi lấy vật tư, hàng hoá của người mua. Giá trao đổi là giá bán của hàng hoá, vật tư đó trên thị trường.

#### 1.2.6 Các trường hợp tiêu thụ khác

Hạch toán tiêu thụ nội bộ, hạch toán hoạt động gia công vật tư hàng hoá.

### 1.3 Nội dung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.

#### 1.3.1 Doanh thu bán hàng.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh

ngiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chỉ bao gồm tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được.

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

*Tài khoản sử dụng: TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm 5 tiểu khoản:

TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá.

TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

**Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ</li> <li>- Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

TK 512 - *Doanh thu nội bộ.*

Tài khoản Doanh thu nội bộ gồm 3 tiểu khoản:

TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm.

TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

**Tài khoản 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phản ánh số thuế TTĐB, thuế XK tính trên doanh số bán trong kỳ.</li> <li>- Số giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần về tiêu thụ sang TK 911</li> </ul>	<p>Tổng doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh kỳ kế toán.</p>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

**1.3.1.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:

- + Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong điều khoản bảo hành thông thường.

- + Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua.

+ Hàng hoá được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.

+ Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

#### *1.3.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Cung cấp dịch vụ nghĩa là thực hiện những công việc đã thoả thuận trong hợp đồng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dvụ.

+ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.

+ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *1.3.1.3 Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng*

- Đối với sản phẩm chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng là giá bán chưa có thuế. Đối với sản phẩm không chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng là tổng giá thanh toán. Đối với sản phẩm chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK, doanh thu là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK ).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Hàng gửi đại lý theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Những sản phẩm, hàng hoá được xác định là tiêu thụ nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận, hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các TK 531- Hàng bán bị trả lại, TK 532- Giảm giá hàng bán, TK 521- Chiết khấu thương mại.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hoá đơn bán hàng và đã thu được tiền hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi vào TK 511- doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà chỉ hạch toán vào bên Có TK 131 - Phải thu khách hàng về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào TK 511 về trị giá hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng trả chậm ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay, ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính phần lãi tính trên khoản trả nhưng phù hợp với thời điểm ghi nhận vào thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia số năm thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thương mại cung cấp sản phẩm, hàng hoá dịch vụ theo yêu cầu Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp trợ giá được theo dõi phản ánh trên tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp trợ giá.

### ***1.3.2 Các khoản giảm trừ doanh thu.***

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế TTĐB,



thuế XK được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

- *Chiết khấu thương mại gồm:*

+ **Bớt giá:** là khoản giảm trừ trên giá bán thông thường dành cho người mua do họ mua hàng một lần với số lượng lớn.

+ **Hồi khấu:** Là số tiền thưởng dành cho người mua do họ mua hàng trong một khoảng thời gian nhất định với số lượng được hưởng chiết khấu.

*Tài khoản sử dụng:* TK 521 - Chiết khấu thương mại

**Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản 521 không có số dư đầu và cuối kỳ

- *Giảm giá hàng bán:* Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thoả thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu, hàng giao không đúng hẹn...

*Tài khoản sử dụng:* TK 532 - Giảm giá hàng bán

**Tài khoản 532 “ Giảm giá hàng bán”**

Khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng phát sinh trong kỳ.	Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

- *Hàng bán bị trả lại*: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng bị người mua trả lại và từ chối do các nguyên nhân thuộc về người bán.

*Tài khoản sử dụng*: TK 531 - Hàng bán bị trả lại

**Tài khoản 531 “ Hàng bán bị trả lại”**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hoá đã bán.	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần kỳ kế toán.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng và người tiêu dùng là người chịu thuế.

Theo phương pháp trực tiếp :

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT hàng hoá dịch vụ bán ra} \times \text{Thuế suất thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ chịu thuế}$$

- Thuế TTĐB là loại thuế gián thu tính trên khoản thu của một số mặt hàng Nhà nước quy định nhằm thực hiện sự điều chỉnh của nhà nước đối với người tiêu dùng.

- Thuế XK là thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm bán ra ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**1.3.3 Giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong các phương pháp sau:

❖ *Phương pháp Nhập trước - Xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ *Phương pháp Nhập sau- Xuất trước (LIFO)*

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp nhập sau - xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền*

Trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho được tính căn cứ vào số lượng vật xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân của} & & & & \text{Trị giá thực tế hàng} & & \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{hàng hoá xuất kho trong kỳ} & = & & & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{hoá nhập trong kỳ} \\ & & & & & & \\ & & & & \text{Số lượng hàng hoá} & + & \text{Số lượng hàng hoá} \\ & & & & \text{tồn đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} \\ & & & & & & \\ \text{Trị giá thực tế của} & = & \text{Số lượng hàng} & \times & \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{hàng xuất trong kỳ} & & \text{xuất trong kỳ} & & \text{bình quân} \end{aligned}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

*Giá đơn vị bình quân sau mỗi  
lần nhập*

=

*Lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần nhập*

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

❖ *Phương pháp tính theo giá đích danh:*

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho.

Giá vốn hàng bán là một nhân tố cấu thành trong kết quả sản xuất kinh doanh, nên để xác định kết quả kinh doanh đúng đắn thì kế toán cần phải xác định đúng trị giá vốn hàng xuất bán. Để xác định giá vốn hàng bán trong kỳ, doanh nghiệp lựa chọn sử dụng phương pháp tính giá vốn hàng hoá xuất trong kỳ phù hợp với đặc điểm kinh doanh, hàng hoá luân chuyển, điều kiện công tác kế toán. Song phải sử dụng nhất quán trong một kỳ kinh doanh, không được thay đổi cách tính một cách tùy tiện.

*Tài khoản sử dụng:* TK 632 - Giá vốn hàng bán.

**Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**

Giá vốn hàng đã bán.	Hoàn nhập khoản dự phòng.
Lập dự phòng giảm giá hàng hoá tồn kho.	Kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

**1.3.4 Kế toán chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

*Tài khoản sử dụng* TK 641- Chi phí bán hàng .

Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, TK 641 có thể mở thêm một số nội dung chi phí.

TK 6411: Chi phí nhân viên.

TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.

TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.

TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.

TK 6415: Chi phí bảo hành.

TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

**Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”**

Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp.	Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán  Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ; hoặc  Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 142 “ Chi phí trả trước” để chờ phân bổ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

- Đối với doanh nghiệp sản xuất, trường hợp có chu kỳ sản xuất kinh doanh dài, trong kỳ không có sản phẩm tiêu thụ (hoặc sản phẩm tiêu thụ ít) thì cuối kỳ kết chuyển toàn bộ CPBH sang theo dõi ở chi phí chờ kết chuyển.

- Đối với doanh nghiệp thương mại, trường hợp có dự trữ hàng hoá biến động giữa các kỳ thì phải phân bổ chi phí bán hàng cho hàng tồn kho cuối kỳ, tức là chuyển một phần chi phí bán hàng thành chi phí chờ kết chuyển, phần chi phí bán hàng còn lại phân bổ cho hàng đã bán được trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

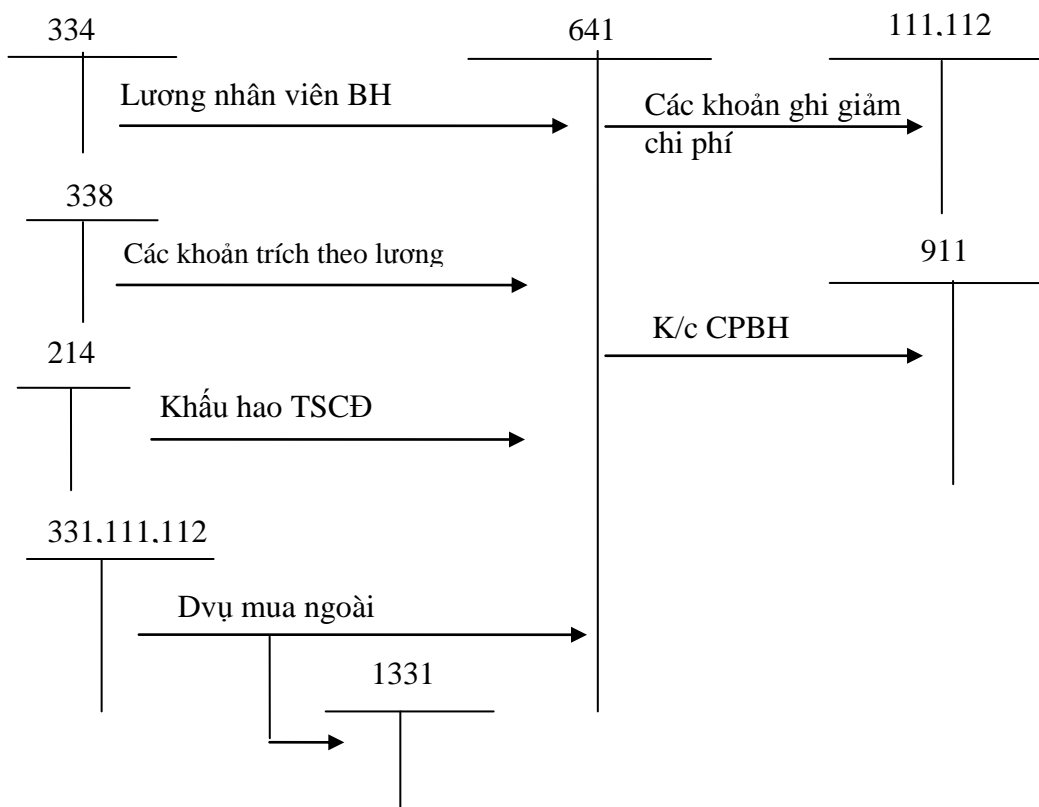
CPBH, CPQLDN phân bổ cho hàng còn trong kỳ:

$$\text{CPBH phân bổ cho hàng còn lại} = \text{CPBH cần phân bổ còn đầu kỳ} + \text{CPBH cần phân bổ phát sinh trong kỳ}$$

CPBH, CPQLDN cần phân bổ cho hàng đã bán:

$$\text{CPBH cần phân bổ cho hàng đã tiêu thụ} = \text{CPBH phân bổ cho hàng còn lại đầu kỳ} + \text{CPBH phát sinh trong kỳ} - \text{CPBH phân bổ cho hàng còn lại cuối kỳ}$$

**Sơ đồ 1.3.4: Hạch toán Kế toán chi phí bán hàng**



**1.3.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

CPQLDN là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp.

Để phản ánh CPQLDN, kế toán sử dụng TK 642- Chi phí QLDN

- |                                     |                                    |
|-------------------------------------|------------------------------------|
| TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý. | TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.      |
| TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.  | TK 6426: Chi phí dự phòng          |
| TK 6423: Chi phí đồ dụng VP         | TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài. |
| TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ      | TK 6428: Chi phí bằng tiền khác    |

**TK 642 - chi phí quản lý doanh nghiệp**

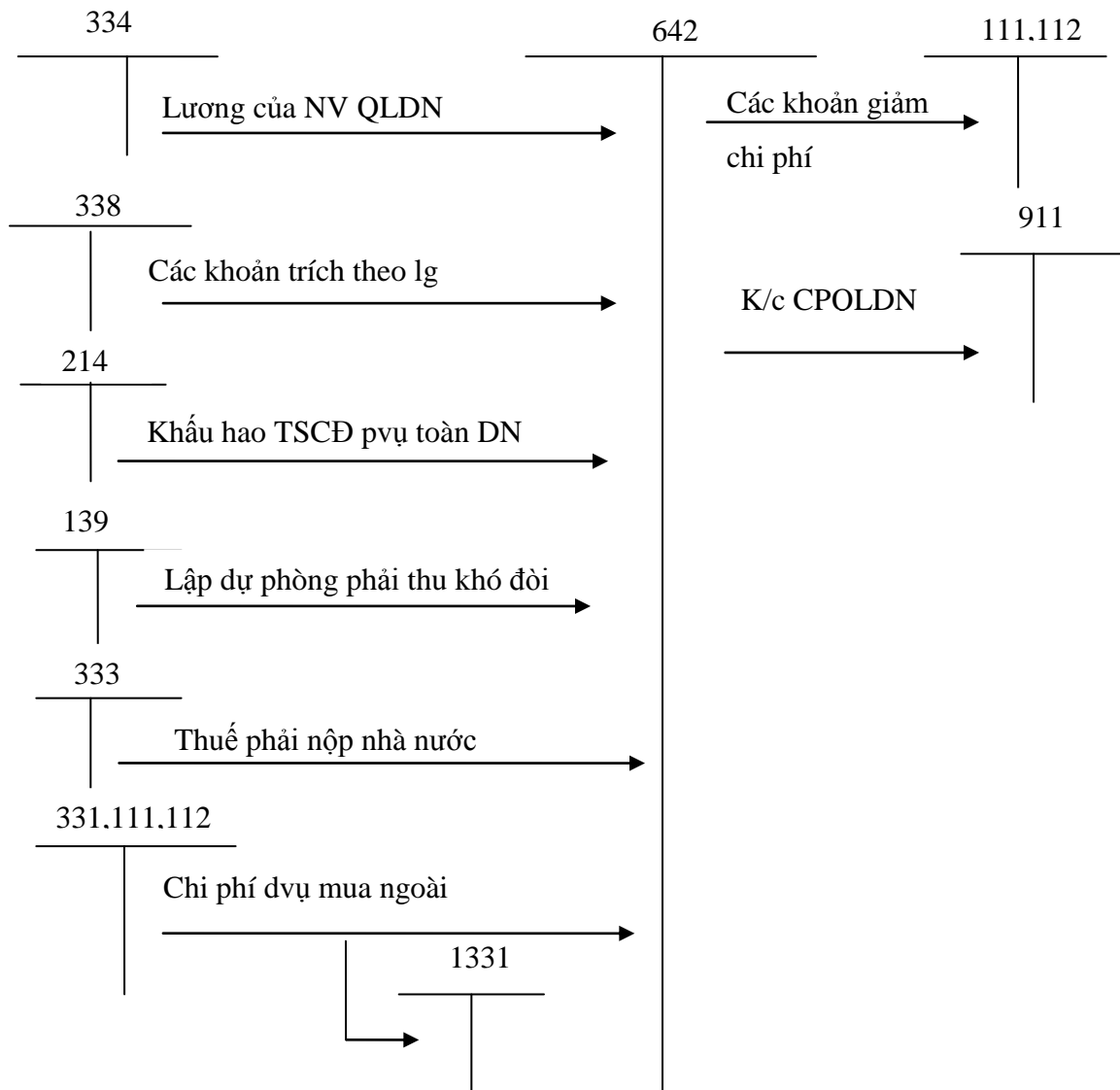
Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ. K/c CPQLDN sang TK 911 để tính KQKD hoặc K/c CPQLDN sang TK 142 để chờ phân bổ.
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

Trường hợp doanh nghiệp sản xuất có chu kỳ sản xuất dài trong kỳ không có (hoặc có ít sản phẩm tiêu thụ) hoặc doanh nghiệp thương mại có dự trữ hàng hoá giữa các kỳ có biến động lớn, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng cần phải phân bổ cho hàng hoá còn lại chưa tiêu thụ cuối kỳ. Công thức phân bổ giống như chi phí bán hàng ở mục trên.



**Sơ đồ 1.3.5: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp**



**1.3.6 Kế toán hoạt động tài chính**

- Hoạt động tài chính là những hoạt động có liên quan đến việc huy động, quản lý và sử dụng vốn kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoạt động tài chính trong doanh nghiệp rất đa dạng, phong phú, trong đó chủ yếu là các hoạt động tham gia liên doanh, đầu tư chứng khoán, cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản....

- Doanh thu hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu nhập đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau.

- Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các kho ản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

*Tài khoản sử dụng:*

**Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</li> </ul>	Doanh thu HĐTC gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi</li> <li>- Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản</li> <li>- Chênh lệch về do bán ngoại tệ</li> <li>- Thu nhập về hoạt động đầu tư CK</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

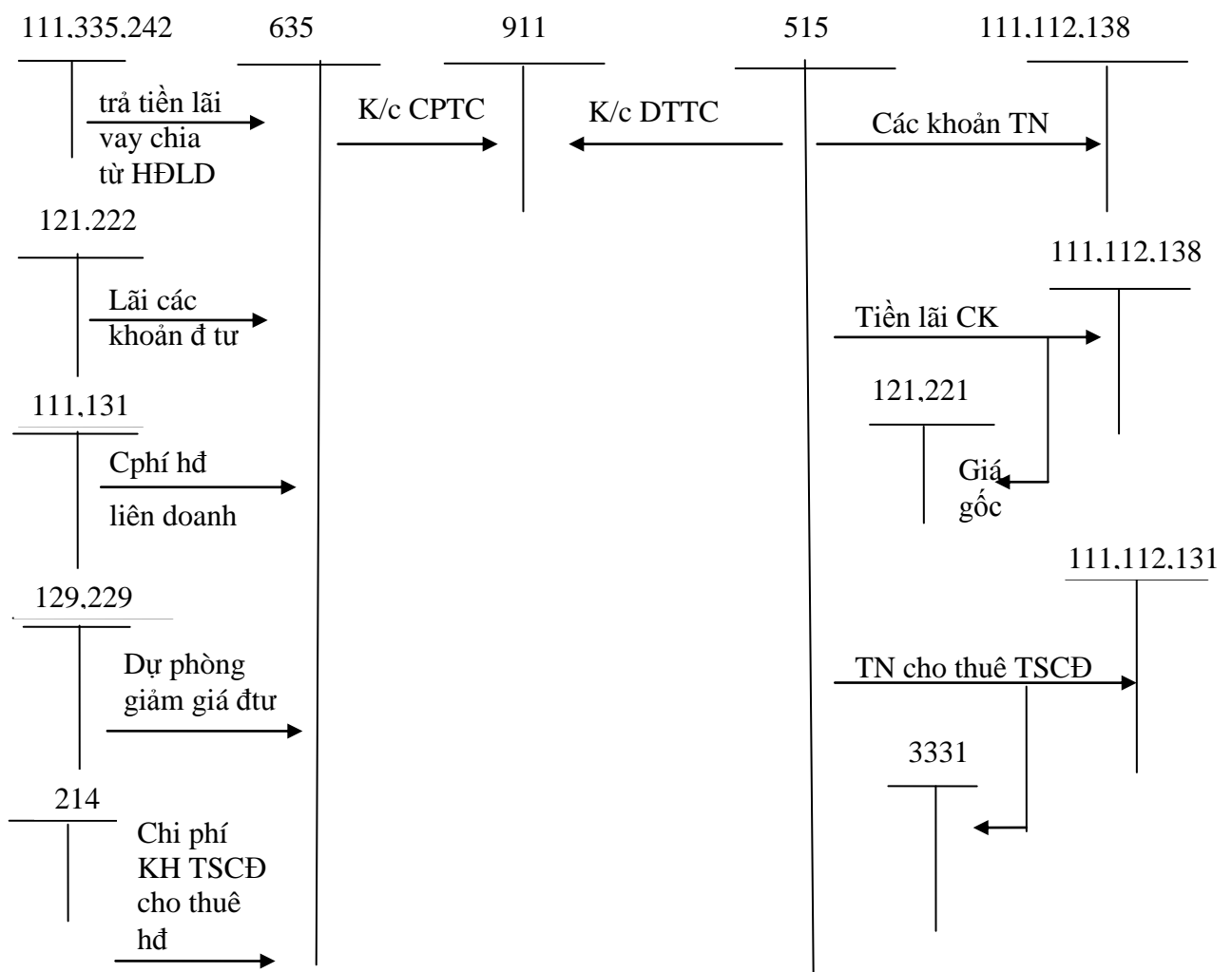
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

**Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các khoản chi phí hoạt động tài chính.</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn.</li> <li>- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế.</li> <li>- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.</li> <li>- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

**Sơ đồ 1.3.6: Hạch toán Doanh thu HĐTC, chi phí HĐTC**



**1.3.7 Kế toán hoạt động khác.**

- Hoạt động khác (hoạt động bất thường) là những hoạt động diễn ra không thường xuyên, ngoài dự kiến của doanh nghiệp

Hoạt động khác có thể là:

- + Thanh lý - nhượng bán tài sản cố định.
- + Hoạt động xử lý giải quyết các tranh chấp vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Về xử lý tài sản thừa ,thiếu chưa rõ nguyên nhân,
- + Về các khoản nợ khó đòi.

- Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

- Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

*Tài khoản sử dụng:*

**Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có ) tính theo phương pháp trực tiếp</li> <li>- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác sang tài khoản 911.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.</li> <li>- Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.</li> <li>- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.</li> <li>- Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

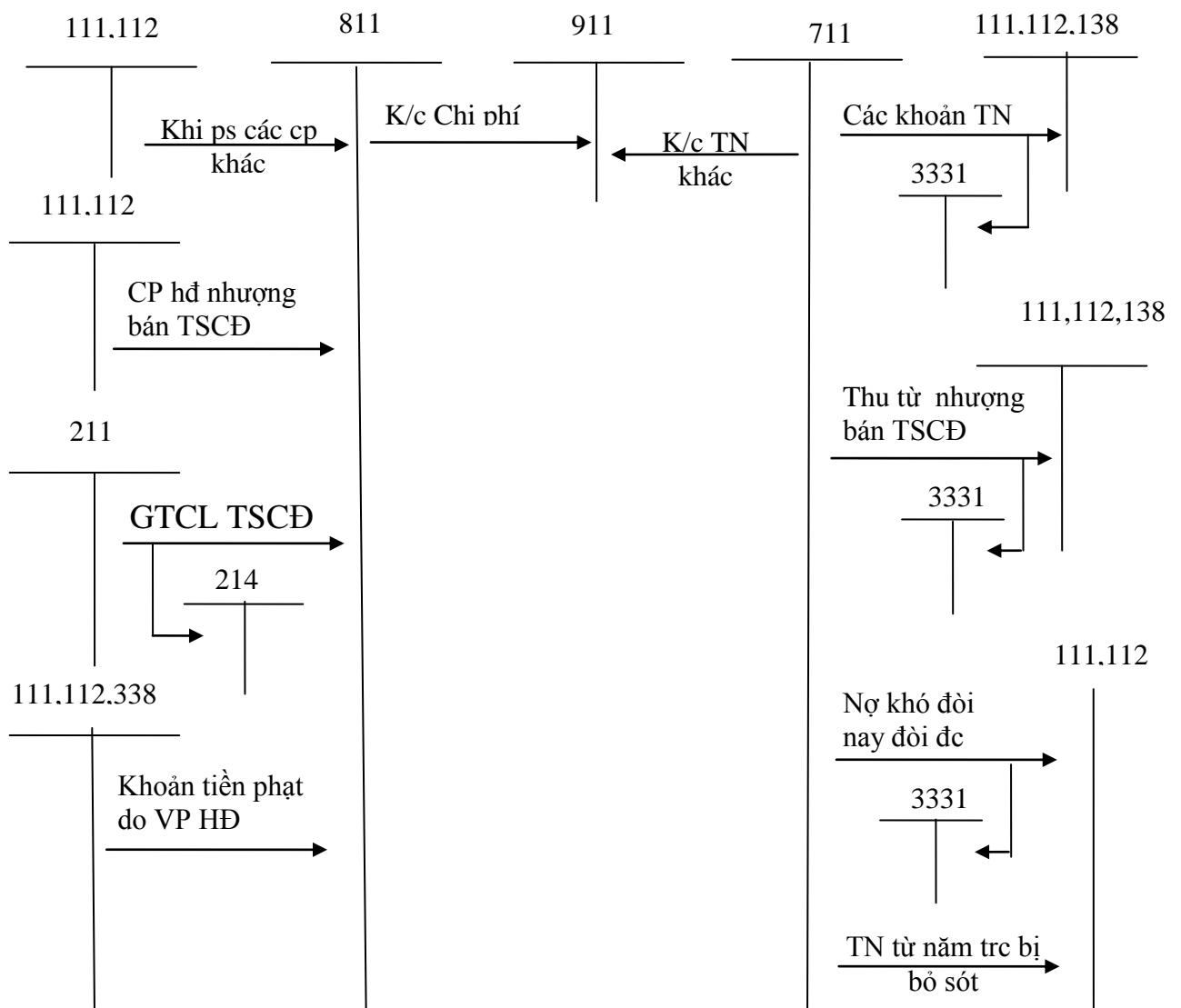
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

**Tài khoản 811 “ Chi phí khác”**

Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.3.7: Hạch toán Thu nhập khác, chi phí khác.**



**1.3.8 Xác định kết quả kinh doanh.**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Lãi (lỗ)} & & & & \text{Giá} & & & & \text{CPBH,} \\ \text{từ HĐ} & = & \text{DTT về bán} & - & \text{vốn} & + & \text{Doanh} & - & \text{Chi} & - & \text{CPQLDN tính} \\ \text{SXKD} & & \text{hàng và cung} & - & \text{hàng} & + & \text{thu} & - & \text{phí} & - & \text{cho hàng tiêu} \\ & & \text{cấp dịch vụ} & & \text{bán} & & \text{HĐTC} & & \text{HĐTC} & & \text{thụ trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:  $DTT = \text{tổng doanh thu bán hàng} - \text{các khoản giảm trừ}$ .

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

$$\text{Lãi (lỗ) hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{chi phí khác}$$

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

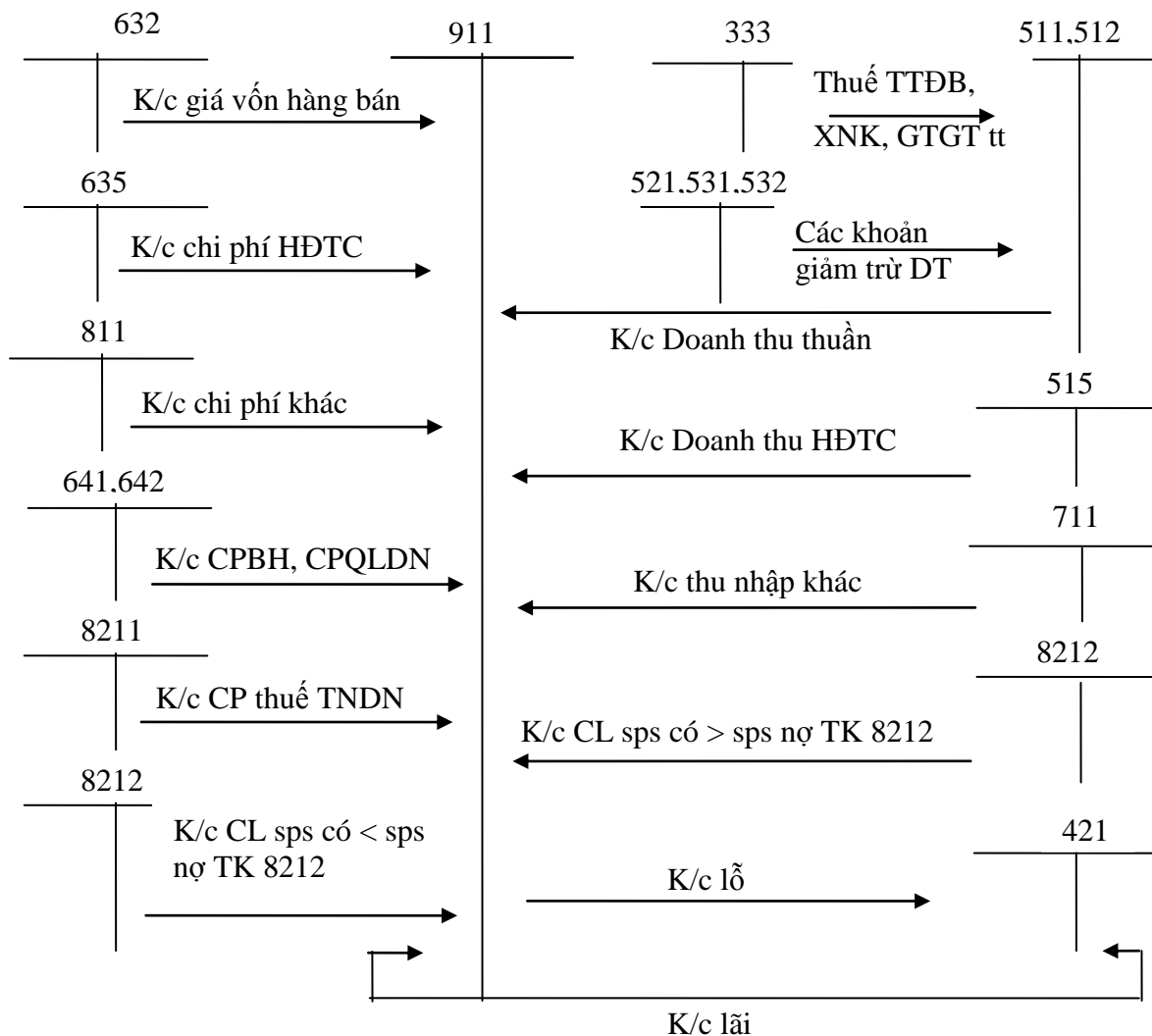
*Tài khoản sử dụng :*

**Tài Khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Chi phí bán hàng.</li> <li>- Chi phí quản lý doanh nghiệp.</li> <li>- Chi phí tài chính.</li> <li>- Chi phí khác.</li> <li>- Chi phí thuế TNDN.</li> <li>- Kết chuyển lãi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính.</li> <li>- Thu nhập khác.</li> <li>- Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.</li> <li>- Kết chuyển lỗ.</li> </ul>
<b>Tổng phát sinh Nợ</b>	<b>Tổng phát sinh Có</b>

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.3.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**



## 1.4 Các chứng từ và hệ thống sổ kế toán .

### 1.4.1 Chứng từ sử dụng.

Chứng từ kế toán được sử dụng để kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng bao gồm:

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01-GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 - GTTT)
- Bảng thanh toán hàng đại lí, kí gửi (mẫu 14-BH)
- Thẻ quỳ hàng (mẫu 15-BH)
- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có NH, ...)
- Tờ khai thuế GTGT (mẫu 07A/GTGT)
- Chứng từ kế toán liên quan khác như phiếu nhập kho hàng trả lại...

### 1.4.2 Hệ thống sổ kế toán

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh và mọi thành phần kinh tế căn cứ vào quy mô, khối lượng công việc kế toán, số lượng và trình độ chuyên môn của người làm công tác kế toán để lựa chọn một hình thức kế toán phù hợp cho doanh nghiệp mình trong 5 hình thức sổ kế toán sau:

#### 1.4.2.1 Hình thức nhật ký chung

*Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

*Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu:*

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết



#### 1.4.2.2 Hình thức Nhật ký - Sổ cái

*Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký sổ cái. Căn cứ ghi vào nhật ký sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

*Hình thức này gồm các loại sổ :*

- Nhật ký sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

#### 1.4.2.3 Hình thức Nhật ký chứng từ

*Đặc trưng cơ bản:* Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép

*Hình thức này gồm các sổ :*

- Nhật ký chứng từ, bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

#### 1.4.2.4 Hình thức Chứng từ ghi sổ

*Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ trực tiếp để ghi kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

- + Ghi theo trình tự thời gian sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong tháng hoặc cả năm (theo STT trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

*Hình thức này bao gồm các sổ sau:*

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ và thẻ kế toán chi tiết

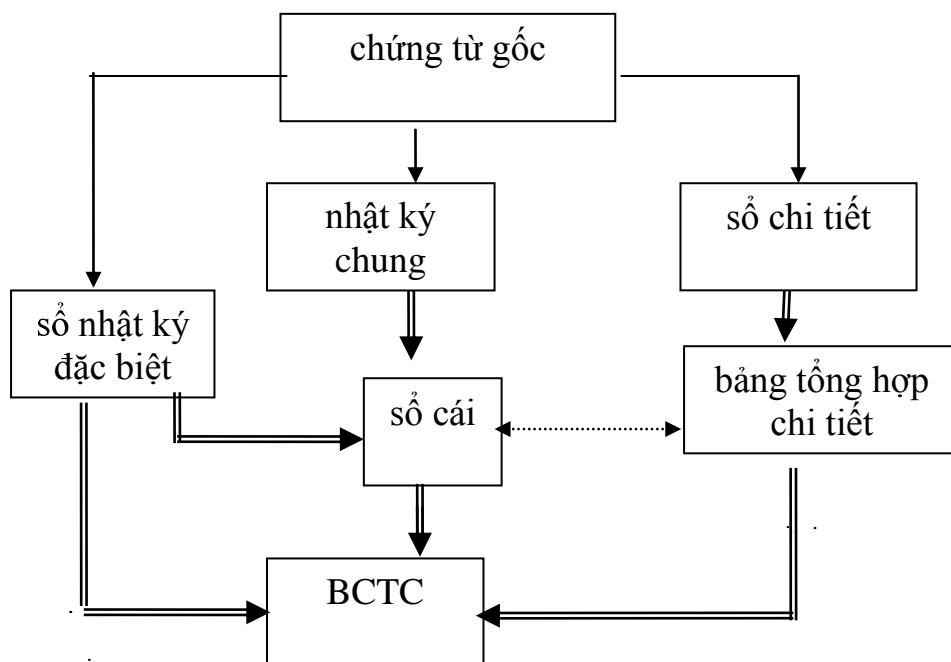
#### *1.4.2.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính*

*Đặc trưng cơ bản:* Hình thức trên máy vi tính là việc kế toán thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính.

*Hình thức sổ kế toán trên máy vi tính:* Hình thức nào sẽ có loại sổ kế toán của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán bằng tay.

Sau đây em xin trình bày khái quát sơ đồ hạch toán sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung .**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.-.-.-.->

## **CHƯƠNG II**

### **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PHẨM HẢI PHÒNG**

#### ***2.1 Tổng quan về công ty CP Công nghệ phẩm Hải Phòng:***

##### ***2.1.1 Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của công ty.***

Công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc sở thương mại thành phố Hải Phòng, được thành lập vào năm 1961 và được thành lập lại vào ngày 12/12/1992 tại quyết định số 1465/QĐ – TCCQ của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Đến năm 2005 Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

- Trụ sở chính: Số 84 Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0313.823241
- Fax :0313.823242
- Tài khoản : 710A-00035
- Ngân hàng giao dịch: Ngân hàng công thương quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Tiền thân của công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng là hợp nhất 3 công ty là: công ty Bách Hóa, công ty Kim Khí, công ty Bông Vải Sợi.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, công ty được thành phố giao cho nhiệm vụ làm công tác phân phối hàng hóa cho cán bộ công nhân viên, lực lượng vũ trang và nhân dân của toàn thành phố và đã đóng góp đáng kể trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta và đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu tổ vải sợi cửa hàng Hồng Bàng thuộc công ty là “TỔ ĐỘI ANH HÙNG LAO ĐỘNG”.

Sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, cả nước bước vào công cuộc phát triển kinh tế, xây dựng đất nước và nền kinh tế bắt đầu bước chuyển từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Trong hoàn cảnh này, công ty đã chọn cho mình một hướng kinh doanh mới từ một công ty hoàn toàn do Nhà nước cung cấp nguồn hàng theo chỉ tiêu kế hoạch rồi phân phối theo mệnh lệnh có địa chỉ thì nay phải tự khai thác nguồn hàng tìm thị trường, tìm khách hàng và từ việc bán thứ gì mình có sang bán thứ gì người mua cần. Xong công ty vẫn trụ vững và ngày càng phát triển ổn định. Điều đó khẳng định sự tồn tại và phát triển của công ty ngày càng vững chắc.

### ***2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần CNP Hải Phòng:***

#### ***2.1.2.1 Chức năng nhiệm vụ của công ty***

Công ty thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với một số chức năng chính:

- Bán buôn, bán lẻ bán đại lý hàng công nghiệp tiêu dùng
- Kinh doanh hàng vật liệu xây dựng và chất đốt, sắt thép, xi măng, than, gạch ốp lát.
- Kinh doanh hàng nông sản: Hạt nông sản các loại, quả các loại.
- Kinh doanh hàng vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng.
- Làm dịch vụ quảng cáo thương mại, nhà hàng giải khát.
- Kinh doanh các loại phụ tùng xe máy thay thế các loại.
- Kinh doanh dịch vụ, môi giới nhà, đất, bất động sản.

Ngoài nhiệm vụ thực hiện các chức năng trên, công ty còn có nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước giao, tuân thủ các chế độ trong công tác quản lý kinh tế, tổ chức khai thác nguồn hàng, làm đại lý bao tiêu sản phẩm, tổ chức bán buôn, bán lẻ nâng cao doanh số, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước và thực hiện tốt các chính sách về công tác cán bộ, công tác quản lý kinh

tế xứng đáng là Doanh nghiệp Nhà nước, đóng vai trò nòng cốt trong nền kinh tế đất nước.

### ***2.1.2.2 Những thuận lợi, khó khăn và thành tích cơ bản của Công ty cổ phần Công nghệ phẩm Hải Phòng:***

#### **❖ Thuận lợi:**

Hải Phòng là một thành phố nằm cạnh biển rất có nhiều lợi thế về giao thông vận tải buôn bán thuận lợi là đầu mối giao thông quan trọng không chỉ ở miền Bắc mà của cả nước. Trong công cuộc đổi mới đất nước nền kinh tế Hải Phòng đạt được những thành tích đáng kể, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khai thác tốt tiềm năng thế mạnh của cảng biển phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế nhanh. Để đạt được các chỉ tiêu kinh tế Nhà nước giao, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố hay cụ thể là công ty cổ phần Công nghệ phẩm Hải Phòng phải làm tốt các việc sau:

- + Mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh.
- + Xây dựng được chiến lược hàng xuất khẩu.
- + Tăng nhanh vòng quay vốn.
- + Phấn đấu giảm chi phí lưu thông.
- + Làm tốt công tác nhân sự đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Công ty cổ phần CNP Hải Phòng là một công ty có bề dày kinh nghiệm phục vụ người tiêu dùng từ cái kim sợi chỉ cho đến đồ dùng cao cấp như ti vi, tủ lạnh. Khi chuyển sang nền kinh tế thị trường công ty cũng gặp một số khó khăn, từ chỉ bán những thứ mình có sang những thứ người tiêu dùng cần. Được sự chỉ đạo của ngành, thành phố công ty đã mạnh dạn sắp xếp lại đội ngũ cán bộ có trình độ, nhạy bén nắm bắt thị trường nên bước đầu đã thu được một số thành tích đáng kể để từ đó vươn lên làm tốt vai trò chủ đạo khu vực kinh tế nhà nước...

#### **❖ Khó khăn:**

Trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần kinh tế luôn biến động nên công ty gặp rất nhiều khó khăn:

- Công ty luôn bị bạn hàng chèn giá dẫn đến doanh thu đạt cao song lợi nhuận thu được thấp do phải hạ giá để giữ khách hàng.

- Một số khách hàng kinh doanh còn theo phương thức cũ chưa nhạy bén đổi mới phương thức phục vụ, phương án kinh doanh.

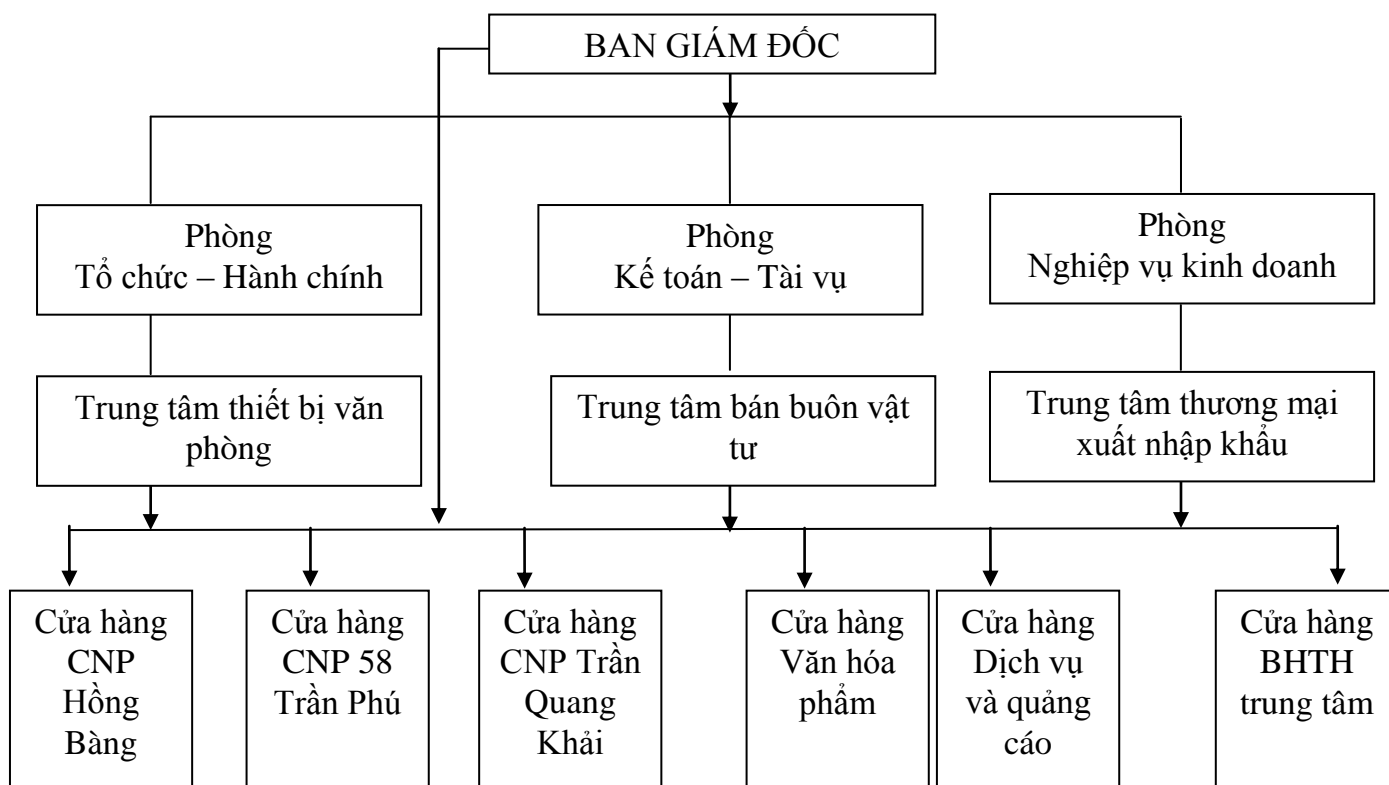
- Lợi thế cơ sở vật chất chưa được khai thác tối đa để sinh lời nâng cao lợi nhuận. Năng lực cán bộ chủ chốt vẫn còn chênh lệch đại đa số đơn vị năng động, sáng tạo tiếp thu đổi mới nhưng cũng tồn tại không ít đơn vị thiếu tự tin, ngại va chạm dẫn đến doanh số thấp, thu nhập kém, đời sống cán bộ công nhân viên không ổn định.

### ***2.1.3 Tổ chức bộ máy hoạt động của công ty Cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng.***

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của công ty là bán buôn, bán lẻ, kinh doanh nội địa và làm nhiệm vụ xuất nhập khẩu.

Căn cứ vào quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động của công ty, công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng áp dụng tổ chức quản lý theo cơ cấu tổ chức trực tuyến.

**Sơ đồ 2.1: SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY:**



\* Giám đốc là người lãnh đạo cao nhất trực tiếp chịu trách nhiệm trước công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình.

\_ Giám đốc là người định ra các mục tiêu, kế hoạch ngắn hạn, chiến lược sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty.

\_ Giám đốc là người đại diện cho nhà nước, đại diện cho cán bộ công nhân viên, chịu trách nhiệm về việc làm, đời sống vật chất, tinh thần cũng như quyền lợi khác của cán bộ công nhân viên trong toàn công ty.

\_ Phó giám đốc là người có trách nhiệm giúp giám đốc quán xuyến mọi công việc trong quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh.

\* Các phòng ban chức năng: gồm 3 phòng ban:

\_ *Phòng tổ chức – hành chính:*



+ Tham mưu cho giám đốc công ty về tổ chức bộ máy kinh doanh và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của công ty.

+ Tổng hợp các chỉ tiêu về lao động và tiền lương đã thực hiện trong tháng, quý, năm để báo cáo với lãnh đạo công ty và các cơ quan quản lý.

+ Đồng thời chỉ đạo, theo dõi, tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước về công tác cán bộ, công tác đào tạo, công tác lao động tiền lương, công tác BHXH, BHYT, BHTN, công tác thanh tra bảo vệ, công tác hành chính quản trị, công tác văn thư lưu trữ...

*\_ Phòng kế toán – tài vụ:*

+ Theo dõi, thực hiện tình hình tài chính kế toán của công ty.

+ Huy động, quản lý vốn và tình hình sử dụng vốn của công ty.

+ Lập, lưu giữ các chứng từ sổ sách, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Theo dõi, thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và các khoản phải nộp khác theo quy định.

+ Quản lý kiểm soát các thủ tục thanh toán, hạch toán, đề xuất các biện pháp giúp công ty thực hiện tốt các mục tiêu về kinh tế tài chính.

+ Tham mưu cho giám đốc về công tác quản lý hoạt động tài chính, hạch toán kinh tế, hạch toán kế toán công ty.

*\_ Phòng kinh doanh nghiệp vụ: có nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về:*

+ Lập kế hoạch ngắn hạn, trung và dài hạn cho sự phát triển của công ty phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế theo kế hoạch pháp lệnh hàng năm của Nhà nước.

+ Tổ chức thực hiện và hướng dẫn nghiệp vụ kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc của công ty.

+ Soạn thảo các văn bản, các loại hợp đồng kinh tế, giúp thực hiện và lưu giữ các tài liệu về kinh doanh.

+ Tổ chức nghiên cứu thị trường, tiếp tục mở rộng quan hệ giao lưu hàng hóa, quảng cáo sản phẩm.

+ Tổ chức kiểm tra giám sát các đơn vị trực thuộc thực hiện về chất lượng hàng hóa cá mặt hàng kinh doanh.

+ Thống kê báo cáo kết quả và tốc độ thực hiện. Kế hoạch kinh doanh của toàn công ty hàng tháng, quý, năm cho ban giám đốc công ty.

\* Mạng lưới bán lẻ của công ty được chia làm 2 loại hình:

\_ Hệ thống trung tâm bán hàng của công ty gồm 3 trung tâm:

- + Trung tâm thiết bị văn phòng cao cấp
- + Trung tâm bán buôn vật tư và công nghệ
- + Trung tâm thương mại xuất nhập khẩu

Ba trung tâm này làm chủ lực trong việc bán buôn và phân phối hàng hóa cho các cửa hàng bán lẻ, chịu trách nhiệm đối với các mặt hàng xuất nhập, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước để từ đó giúp lãnh đạo công ty định ra phương hướng kinh doanh cho phù hợp.

Song song với các nhiệm vụ trên, trung tâm vẫn thực hiện đầy đủ các chức năng như các cửa hàng khác.

\_ Cửa hàng bao gồm:

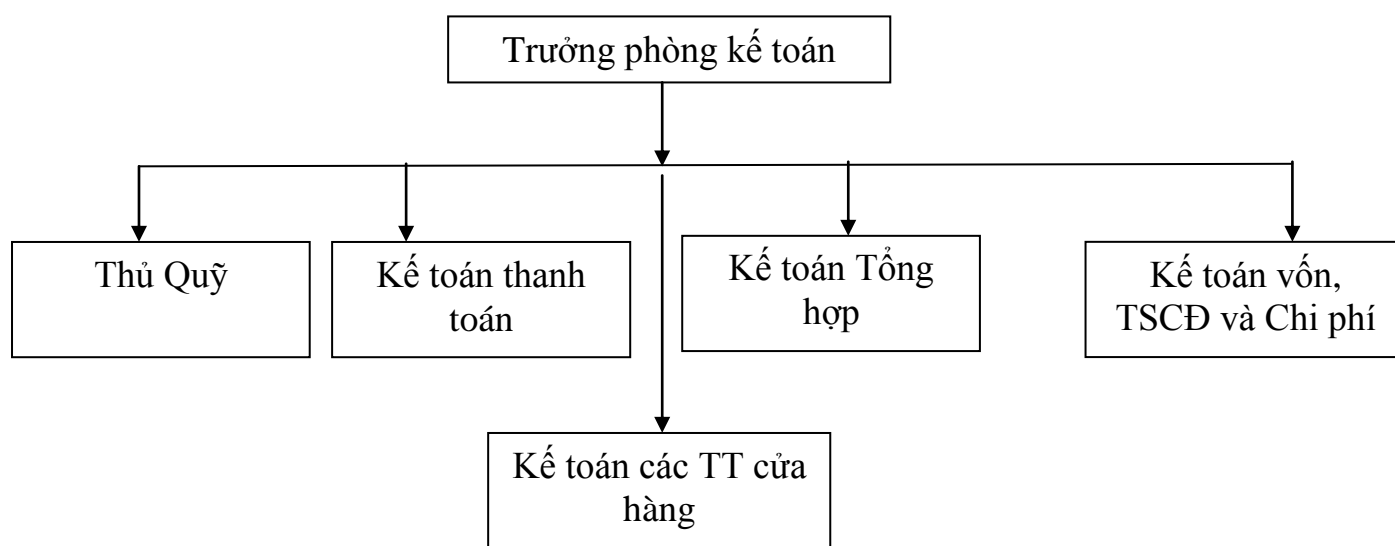
- + Cửa hàng CNP Hồng Bàng
- + Cửa hàng CNP 58 Trần Phú
- + Cửa hàng CNP Trần Quang Khải
- + Cửa hàng văn hóa phẩm
- + Cửa hàng quảng cáo và dịch vụ
- + Cửa hàng BHTH trung tâm

Nhiệm vụ của các cửa hàng: bán hàng phân phối hàng hóa đến tận tay người tiêu dùng. Ngoài ra còn bán buôn, bán theo đơn đặt hàng cho các cơ quan trên địa bàn phường, quận trong toàn thành phố. Các cửa hàng còn có nhiệm vụ nghiên cứu sự phát triển thương mại, nhu cầu tiêu dùng trên địa bàn, chịu trách nhiệm với hoạt động kinh doanh các đơn vị trước công ty, bảo đảm thực hiện cơ chế hoạt động do công ty quy định.

\* Mạng lưới bán hàng của công ty trải rộng khắp 4 quận nội thành: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Kiến An.

#### 2.1.4 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.

##### Sơ đồ 2.2: SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY



Quan hệ chỉ đạo: →

\_ **Kế toán trưởng**: Là người giúp việc cho giám đốc về công tác chuyên môn, phổ biến chủ trương chỉ đạo công tác chuyên môn của bộ phận kế toán, chịu trách nhiệm với cấp trên về việc chấp hành luật pháp thể lệ chế độ tài chính về vốn và huy động sử dụng vốn. Kế toán trưởng có trách nhiệm tổ chức sử dụng vốn có hiệu quả, cung cấp các thông tin về tình hình tài chính một cách chính xác kịp thời và toàn diện để Ban Giám đốc đưa ra quyết định kinh doanh cùng với Giám đốc tham gia ký kết các Hợp đồng kinh tế, tổ chức và kiểm tra công tác hạch toán ở đơn vị, hướng dẫn chỉ đạo công tác hạch toán cho các cửa hàng trực thuộc.

\_ **Kế toán tổng hợp**: Phó phòng phụ trách kế toán tổng hợp cùng với kế toán trưởng chỉ đạo hạch toán ở các bộ phận, tập hợp các số liệu lên sổ cái và lập báo cáo quyết toán công ty như:

- + Báo cáo quyết toán quý, năm
- + Lập bản cân đối tài khoản, bảng tổng kết tài sản

+ Báo cáo kết quả kinh doanh, lưu chuyển hàng hóa lưu thông.

\_ **Thủ quỹ:** Là người quản lý tiền mặt tại quỹ công ty, chịu trách nhiệm thu tiền của các cửa hàng nộp các khoản về công ty bằng tiền mặt, theo dõi việc xuất hóa đơn bán hàng cho các cửa hàng trực thuộc, lập báo cáo, nộp cho cơ quan thuế.

\_ **Kế toán thanh toán:** Có nhiệm vụ theo dõi tình hình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay, theo dõi doanh thu bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, các khoản tạm ứng và thanh toán tạm ứng, quan hệ tài chính với các cửa hàng trực thuộc, đồng thời còn phải theo dõi tình hình nộp thuế của các cửa hàng.

\_ **Kế toán tài sản cố định và chi phí lưu thông:** là theo dõi và quản lý các loại vốn cũng như tình hình biến động của nó, tính toán xác định thuế vốn phải nộp ngân sách. Theo dõi phân bổ chi phí lưu thông, chi phí quản lý công ty các đối tượng có liên quan.

\_ **Kế toán các cửa hàng:** Nhiệm vụ của các bộ phận kế toán này là lập chứng từ gốc về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập nhật ký vào sổ cái tháng, quý gửi về công ty tổng hợp số liệu báo cáo về kế toán toàn công ty.

### **2.1.5 Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty và quy trình luân chuyển chứng từ.**

\_ Công ty cổ phần Công nghệ phẩm Hải Phòng có kỳ kế toán là năm bắt đầu tính vào 1/1 đến 31/12 của năm.

\_ Doanh nghiệp hạch toán kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa, kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

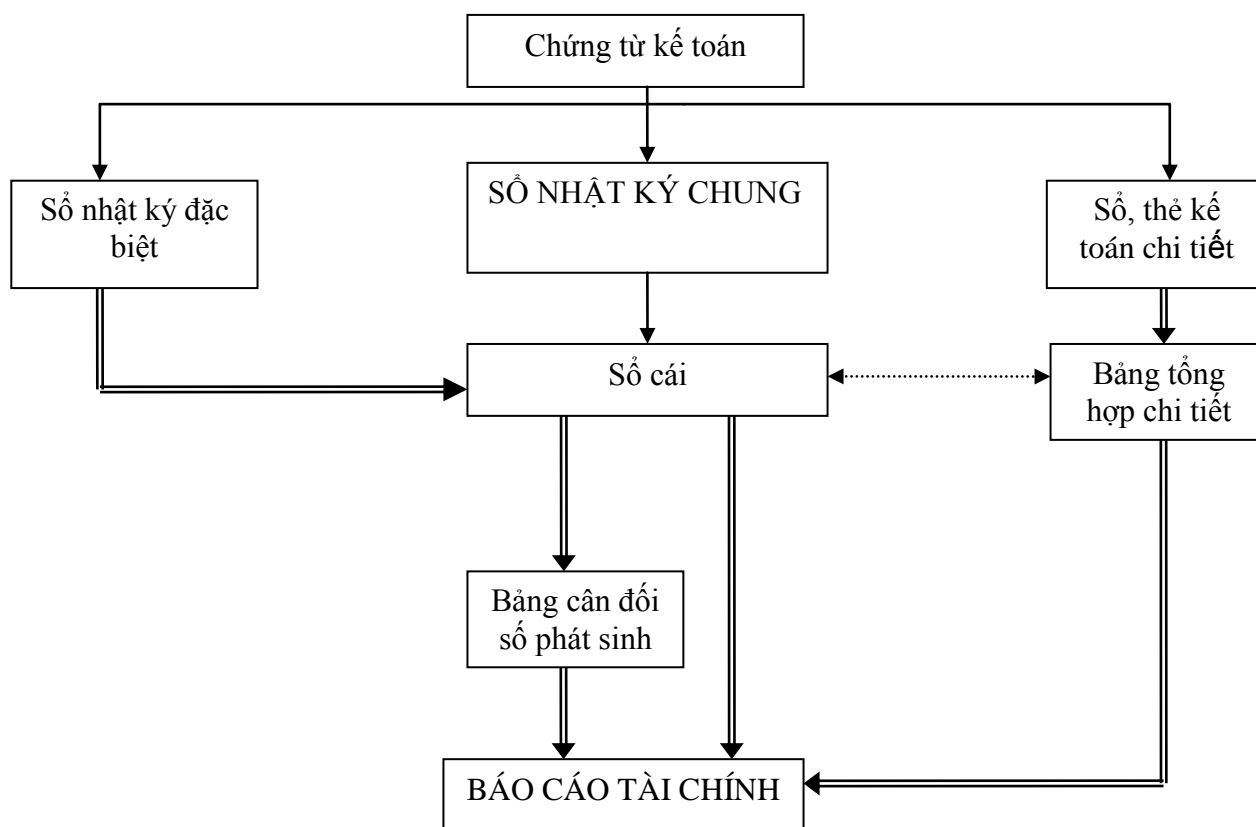
\_ Đơn vị tính giá hàng xuất kho theo phương pháp đích danh. Theo phương pháp này kế toán dựa vào các hóa đơn kiêm phiếu xuất kho để từ đó phân loại chứng từ kế toán xuất hàng hóa theo từng loại hàng, từng mặt hàng để tính giá thực tế của hàng xuất bán.

\_ Công ty cũng áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng để tính khấu hao của TSCĐ.

\_ Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

\_ Công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng đang áp dụng hình thức ghi sổ là hình thức “**NHẬT KÝ CHUNG**”.

**Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: =====>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

• Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

## ***2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng:***

### ***2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

#### ***2.2.1.1 Xác định doanh thu .***

- Doanh thu tại công ty là toàn bộ tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, bao gồm doanh thu bán sản phẩm và doanh thu dịch vụ.

-Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng tại công ty là khi khách hàng đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán và sản phẩm, hàng hóa đã được chuyển giao.

-Tại công ty CP CNP Hải Phòng, doanh thu bán sản phẩm là các nghiệp vụ liên quan đến việc bán các sản phẩm của công ty như: hàng nông sản, đồ điện tử, vật tư xây dựng, hàng gia dụng,... và doanh thu dịch vụ thu được từ dịch vụ quảng cáo thương mại,...

- Công ty là đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế và toàn bộ mặt hàng kinh doanh của công ty đều thuộc diện chịu thuế GTGT. Do đó doanh thu bán hàng của công ty được phản ánh theo số tiền không bao gồm thuế GTGT.

#### ***2.2.1.2 Chứng từ sử dụng .***

Chứng từ sử dụng ban đầu là hoá đơn GTGT.

\* Thủ tục lập chứng từ hoá đơn GTGT

Chúng từ trong hạch toán doanh thu bán hàng là hoá đơn. Hoá đơn GTGT được lập 3 liên:

**Liên 1:** (Màu tím) Lưu tại quyển hoá đơn sổ.

**Liên 2:** (Màu đỏ) Giao cho khách hàng.

**Liên 3:** (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán

Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ; số Hoá đơn.
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ) ; địa chỉ; số tài khoản; mã số thuế; hình thức thanh toán.
- Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp); số lượng; đơn giá; thành tiền; thuế GTGT; tổng tiền thanh toán.

Tại phòng kế toán, khi khách hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu thu. Phiếu thu được lập 3 liên:

**Liên 1:** Lưu sổ.

**Liên 2:** Giao cho người nộp.

**Liên 3:** Dùng làm căn cứ ghi sổ.

Trường hợp khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản vào chi nhánh ngân hàng để chuyển tiền vào tài khoản của công ty tại ngân hàng công thương quận Lê Chân. Khi nhận được tiền, ngân hàng báo có cho công ty.

\* Thủ tục lập hoá đơn GTGT:

- Với hình thức bán buôn, bán qua đại lý hoá đơn GTGT được lập tại phòng kinh doanh.

- Với hình thức bán lẻ: Tại các cửa hàng kinh doanh của công ty, hàng ngày các nhân viên bán hàng sẽ phải ghi lại số lượng hàng hóa bán ra trong ca làm việc của mình. Đến cuối mỗi ca (mỗi ngày) căn cứ vào sổ giao ca của các nhân viên sẽ lập hoá đơn GTGT cho hàng hóa đã bán. Các khách hàng mua theo hoá đơn sẽ được viết hoá đơn trước có bảng kê công nợ kèm theo, số lượng còn lại (khách mua lẻ) sẽ được gộp lại để viết hoá đơn GTGT xuất bán lẻ.

Tại các cửa hàng không tổ chức hạch toán kế toán mà chỉ tập hợp các chứng từ ban đầu, lập bảng kê kèm theo chứng từ gốc, định kỳ 2-3 ngày chuyển về phòng kinh doanh của công ty.

Phòng kinh doanh có trách nhiệm tập hợp các số liệu trên báo cáo và gửi các hoá đơn GTGT kèm các bảng tổng hợp về phòng kế toán để tính doanh thu.

Ngoài các hoá đơn GTGT, chứng từ bán hàng còn gồm có:

- Hợp đồng mua bán hàng hoá
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có)

#### 2.2.1.3. Tài khoản dùng trong doanh thu bán hàng.

Để thuận tiện cho công tác hạch toán và yêu cầu quản lý, kế toán đã theo dõi và ghi chép các loại doanh thu trên các tài khoản chi tiết như sau:

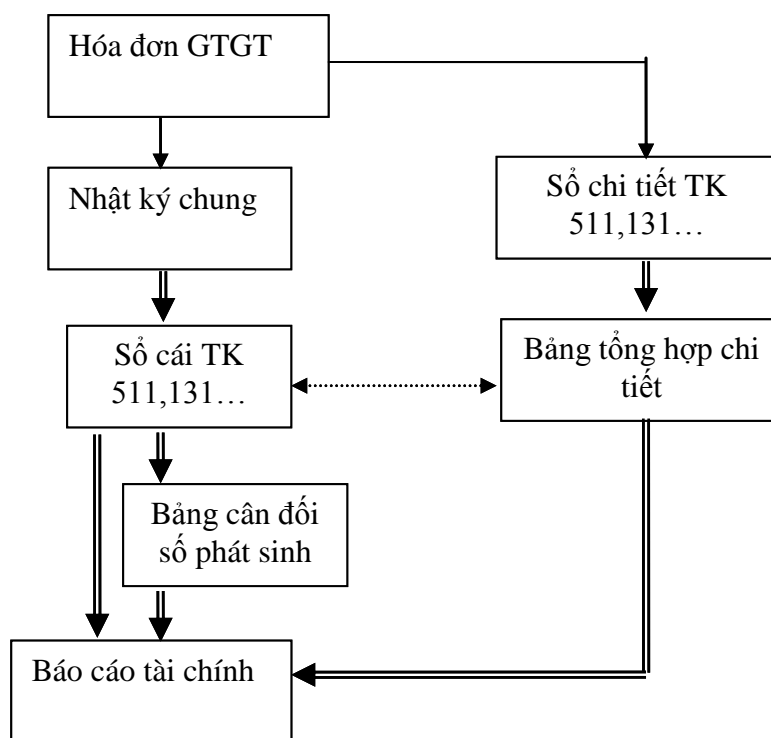
- TK 511(5111) : Doanh thu bán hàng hóa
- TK 511(5113) : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 111, 112 : Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng
- TK 131 : Phải thu của khách hàng

Công ty không sử dụng TK 532 - giảm giá hàng bán. Giảm giá hàng bán công ty chỉ áp dụng với những đơn vị làm đại lý của công ty. Giảm giá hàng bán được trừ ngay trên giá bán hàng lần sau .

Hàng hoá của công ty luôn đảm bảo chất lượng và không vi phạm hợp đồng kinh tế nên không phát sinh trường hợp hàng bán bị trả lại.



2.2.1.4 Quy trình luân chuyển chứng từ.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- > Kiểm tra đối chiếu

**Quy trình hạch toán:**

- Hằng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu thu...kê toán ghi vào sổ nhật ký chung,đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK511, từ nhật ký chung kê toán ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK111, TK112, TK511, TK333...

- Cuối quý, năm kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC.

**Ví dụ:** Ngày 2/12/2012, công ty xuất kho giao bán cho công ty CP quốc tế Samnec Hồ Sen một lượng hàng điện tử với tổng giá thanh toán là 404.800.000 đ, đã thanh toán bằng chuyển khoản.

- Chứng từ kế toán sử dụng: Hóa đơn GTGT, Giấy báo có
- Quy trình hạch toán:

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng kê hàng hóa bán ra kế toán vào các sổ sách:

- Nhật ký chung( biểu số 3)
- Sổ cái TK 511( biểu số 4)
- Sổ chi tiết TK 5111 (biểu số 5)
- Sổ cái các TK liên quan : TK 112,333...

Cuối quý từ sổ cái các TK lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số:01GTKT3/001															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu : AA/11P															
Liên 3: Nội bộ		<b>0053693</b>															
Ngày 02 tháng 12 năm 2012																	
Đơn vị bán hàng: Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng .....																	
Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ.....																	
Số tài khoản: 710 A 00035 tại ngân hàng công thương quận Lê Chân.....																	
Điện thoại:0313.823241		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td> </tr> </table>	0	2	0	0	2	8	7	8	8	9	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td> </tr> </table>	0	0	1	1
0	2	0	0	2	8	7	8	8	9								
0	0	1	1														
.....MS:																	
Họ tên người mua hàng: Hoàng Minh Sơn .....																	
Tên đơn vị: Công ty cổ phần quốc tế Samnec .....																	
Địa chỉ: Số 4 Hồ Sen .....																	
Số tài khoản: 32110000479177 tại ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam-HP .....																	
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản..MS:		<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>2</td><td>5</td><td>5</td><td>9</td> </tr> </table>	0	2	0	0	1	2	2	5	5	9	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>0</td><td>0</td><td>4</td><td>1</td> </tr> </table>	0	0	4	1
0	2	0	0	1	2	2	5	5	9								
0	0	4	1														
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
1	2	3	4	5	6=4x5												
1	Tivi LCD Toshiba 24 inch	Cái	30	3.800.000	114.000.000												
2	Tivi Led Panasonic 24 inch	Cái	20	5.100.000	102.000.000												
3	Tivi LG Led 32 inch	Cái	20	7.600.000	152.000.000												
Cộng tiền hàng:					368.000.000												
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		36.800.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>404.800.000</b>												
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm linh bốn triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn./.</i>																	
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>													

**Biểu số 01: Hóa đơn GTGT**

**NGÂN HÀNG TMCP  
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM****GIẤY BÁO CÓ  
( Credit Advice)**

Chủ tài khoản( Account Holder)	Mã khách hàng( Customer ID): 20016596
CTY CP CNP HẢI PHÒNG	Mã số thuế( Tax code):02002878890011
Địa chỉ( Address):	Tài khoản( Account): 710 A 00035
Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng	Tiền tệ( Currency): VNĐ

Số giao dịch(Transaction no):	170
Ngày giá trị( Value date):	2/12/2012
Tổng số tiền( Amount):	404.800.000
Bằng chữ( In words):	Bốn trăm linh bốn triệu,tám trăm nghìn đồng chẵn.
Nội dung( Payment details):	Công ty CP quốc tế Samnec thanh toán tiền hàng.

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG TMCP CT HẢI PHÒNG
PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG
Số 108 An Kim Hải-Lê Chân-Hải Phòng

**Biểu số 2: Giấy báo có**

**Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng**  
**Số 84 Điện Biên Phủ**

**Biểu số 3**

**NHẬT KÝ CHUNG**

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
		.....			
BC124	01/12	Lãi tiền gửi tháng 11/2012	1121	515	1,995,000
BC 125	02/12	Cty TNHH TM&DV Thăng Thảo tt tiền hàng	1121	131	48,570,000
LC08	02/12	Ttoán tiền cho cty điện lực HP	331	1121	87,375,000
<b>PX152</b>	<b>02/12</b>	<b>Gvốn hàng bán Cty CP quốc tế Samnec</b>	<b>632</b>	<b>156</b>	<b>300,000,000</b>
<b>HĐ0053693</b>	<b>02/12</b>	<b>Dthu hàng bán</b>	<b>112</b>	<b>511</b>	<b>368,000,000</b>
<b>HĐ0053693</b>	<b>02/12</b>	<b>VAT tương ứng</b>	<b>112</b>	<b>3331</b>	<b>36,800,000</b>
HĐ0048589	03/12	Nhập hàng của công ty CP pin Hà Nội	156	112	88,186,000
HĐ0048589	03/12	VAT đầu vào	1331	112	8,818,600
BN121	03/12	Phí chuyển tiền	642	112	20,000
BN 121	03/12	VAT phí chuyển tiền	1331	112	2,000
		.....			
BC170	05/12	Thu tiền thanh lý xe ô tô 4 chỗ BMW16H - 4808	112	711	86,363,636
BC170	05/12	VAT tương ứng	112	3331	8,636,364
PKT105	05/12	Giá trị hao mòn lũy kế	214	211	1,015,178,434
PKT105	05/12	Giá trị còn lại	811	211	80,377,270
BN123	05/12	Chi phí thanh lý ô tô	811	112	8,500,000
BN123	05/12	VAT tương ứng	133	112	850,000
PC058	05/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	111	3,547,000
PC058	05/12	VAT tương ứng	133	111	354,700
		<b>Cộng chuyển trang sau:</b>			<b>25,810,178,335</b>

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
		<b>Số trang trước chuyển sang</b>			<b>25,810,178,335</b>
...	...	....			
0011052	12/12	Chi phí in biển quảng cáo	632	331	19,000,000
HĐ 0166260	12/12	Cty bia và nước giải khát quốc tế- CN Hải Phòng chấp nhận tt	131	511	22,435,000
HD0166260	12/12	VAT tương ứng	131	3331	2,243,500
...	...	....			
BPBKH	30/12	Trích khấu hao TSCĐ bộ phận bán hàng	641	214	78,298,265
BLT12	30/12	Tính lương phải trả bộ phận bán hàng	641	334	36,167,000
BLT12	30/12	Các khoản trừ vào lương	334	338	3,435,865
BLT12	30/12	Các khoản tính vào chi phí	641	338	8,318,410
PC153	30/12	Thanh toán lương	334	111	32,731,135
BN127	30/12	Lãi vay phải trả ngân hàng công thương	635	112	18,798,469
...	...	....			
PKT112	31/12	Chi phí thuế TNDN quý IV	821	3334	283,306,634
PKT113	31/12	K/c doanh thu bán hàng	511	911	48,457,144,240
PKT113	31/12	K/c doanh thu HĐTC	515	911	250,256,209
PKT113	31/12	K/c thu nhập khác	711	911	86,363,636
PKT114	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911	632	44,211,017,922
PKT114	31/12	K/c CPQL	911	642	250,038,314
PKT114	31/12	K/c CPBH	911	641	2,098,335,521
PKT114	31/12	K/c chi phí HĐTC	911	635	1,012,268,521
PKT114	31/12	K/c chi phí khác	911	811	88,877,270
PKT114	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911	821	283,306,634
PKT114	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911	421	849,919,903
		<b>Cộng số phát sinh quý IV</b>			<b>205,652,457,560</b>

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)  
(Trích Nhật ký chung quý IV năm 2012)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 4**

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng

Địa chỉ: 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
*Quý IV năm 2012*

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ TIỀN		Ghi chú
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có	
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				
			<b>Số phát sinh</b>				
			.....				
<b>02/12</b>	<b>Hđ0053693</b>	<b>02/12</b>	<b>Doanh thu bán hàng hóa</b>	<b>112</b>		<b>368,000,000</b>	
03/12	Hđ0053694	03/12	Doanh thu bán hàng hóa	131		1,469,000,000	
			.....				
12/12	Hđ 0166260	10/12	Doanh thu cung cấp dịch vụ	131		22,435,000	
			.....				
31/12	PKT113	31/12	K/c doanh thu	911	48,457,144,240		
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>48,457,144,240</b>	<b>48,457,144,240</b>	
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 5**

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng

Địa chỉ: 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

**5111 – Doanh thu bán hàng hóa**

**Quý IV năm 2012**

*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tài khoản đ/tr	Số phát sinh trong kỳ	
Ngày	Số				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong quý			
			.....			
02/12	Hđ0053693	Công ty CP quốc tế Samnec	Doanh thu bán hàng hóa	112		368,000,000
03/12	Hđ0053694	Công ty TNHH Xây lắp và thiết bị KT/KT	Doanh thu bán hàng hóa	131		1,469,000,000
		.....				
10/12	Hđ0166258	Công ty TNHH TM&DV Thăng Thảo	Doanh thu bán hàng hóa	131		800,000,000
		.....				
31/12	PKT 111		K/c doanh thu bán hàng hóa	911	48,041,486,340	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>48,041,486,340</b>	<b>48,041,486,340</b>
			Số dư cuối kỳ			

**Thủ quỹ**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*



**Biểu số 6**

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng  
Địa chỉ: 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**  
**5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ**  
**Quý IV năm 2012**

*Đơn vị tính: đồng*

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	Tài khoản đ/ư	Số phát sinh trong kỳ	
Ngày	Số				Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh trong quý</b>			
			.....			
04/12	Hđ0053695	Công ty TNHH TM&DV Thăng Thảo	Doanh thu cung cấp dịch vụ	111		30,000,000
		.....				
12/12	Hđ0166260	Công ty bia và nước giải khát quốc tế-CN HP	Doanh thu cung cấp dịch vụ	131		22,435,000
20/12	Hđ0166321	Khách lẻ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	111		14,000,000
31/12	PKT 111		K/c doanh thu cung cấp dịch vụ	911	415,657,900	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>415,657,900</b>	<b>415,657,900</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Thủ quỹ**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Biểu số 7:**

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng

Địa chỉ: 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511**

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên chi tiết	Số dư đầu tháng		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Doanh thu bán hàng hóa			48,041,486,340	48,041,486,340		
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ			415,657,900	415,657,900		
	<b>Cộng</b>			<b>48,457,144,240</b>	<b>48,457,144,240</b>		

**Người lập biểu**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**

*(Ký, họ tên)*

## 2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.

### 2.2.2.1. Nội dung giá vốn của công ty

- Đồng thời với việc ghi nhận doanh thu là ghi nhận giá vốn hàng bán. Công ty CP CNP Hải Phòng là công ty kinh doanh các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nên công ty không có quy trình tập hợp chi phí để tính giá thành. Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm giá mua toàn bộ và chi phí có liên quan đến thu mua hàng hóa đó kể cả chi phí bán hàng.
- Giá vốn hàng hóa của công ty được tính theo phương pháp thực tế đích danh. Phương pháp này phù hợp với quá trình hoạt động của công ty, đảm bảo tính kịp thời của thông tin kinh tế, khối lượng công việc.

### 2.2.2.2 Tài khoản, chứng từ, sổ sách sử dụng

- Đề hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng TK 632 – “Giá vốn hàng bán”, TK 156 – “Hàng hóa”.
- Chứng từ sử dụng : bảng tổng hợp nhập xuất tồn hàng hoá.
- Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, sổ chi tiết TK 156, sổ Cái các tài khoản TK 156, TK 632...

### 2.2.2.3 Phương pháp hạch toán

- Để tính giá vốn của hàng hóa xuất bán trong kỳ, kế toán căn cứ vào các hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, bảng kê hàng hóa nhập vào để tính đơn giá vốn theo phương pháp đích danh.
- Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan, kế toán vào sổ nhật ký chung, và sổ chi tiết TK 156, từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản TK 156, TK 632... và sổ kế toán khác có liên quan. Cuối kỳ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh để từ đó vào các BCTC.

**Ví dụ:** Ngày 02/12/2012, công ty xuất kho bán cho công ty CP quốc tế Samnec một lô hàng điện tử trị giá vốn 300,000,000 đ.

Căn cứ vào phiếu nhập kho của hàng hóa xuất bán, bảng kê hàng hóa nhập vào, kế toán xác định giá vốn hàng xuất bán, từ đó lập phiếu xuất kho rồi vào các sổ sách có liên quan:

- Sổ nhật ký chung( biểu số 3)
- Sổ cái TK 632( biểu số 9)
- Sổ cái các TK khác có liên quan.

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các TK lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

**Biểu số 8: Phiếu xuất kho**

Công ty CP CNP Hải Phòng

Số 84 Điện Biên Phủ, HP

Điện thoại: 0313.823241

Mã số thuế: 02002878890011

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 02 tháng 12 năm 2012

Số: PX152

Khách hàng : Công ty CP quốc tế Samnec

Địa chỉ : Số 4 Hồ Sen, Hải Phòng

Mã số thuế : 02001225590041

Kho hàng : Kho hàng hóa

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	6	7	8
1	Tivi LCD Toshiba 24 inch	cái	30	3.000.000	90.000.000
2	Tivi Led Panasonic 24 inch	cái	20	4.400.000	88.000.000
3	Tivi LG Led 32 inch	cái	20	6.100.000	122.000.000
<b>Cộng :</b>					<b>300.000.000</b>

Số tiền viết bằng chữ: *Ba trăm triệu đồng chẵn.*

Thủ trưởng đơn vị    Kế toán trưởng    Người giao hàng    Thủ quỹ    Người lập phiếu  
 (Ký, họ tên)        (Ký, họ tên)        (Ký, họ tên)        (Ký, họ tên)        (Ký, họ tên)

**Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng**  
**Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng**

**Biểu số 9**  
*(Trích sổ cái TK 632 quý IV năm 2012)*

**SỔ CÁI**

Tài khoản : 632- Giá vốn hàng bán

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu quý			
			Số phát sinh quý IV			
			.....			
02/12	PX152	02/12	Giá vốn hàng bán cty CP quốc tế Samnec	156	300,000,000	
03/12	PX153	03/12	Giá vốn hàng bán cty TNHH SX&TM Mạnh Dũng	156	860,000,000	
04/12	PX154	04/12	Giá vốn hàng bán lẻ	156	4,910,000	
			.....			
10/12	PX162	10/12	Giá vốn hàng bán cty TNHH TM&DV Thăng Thảo	156	680,000,000	
			.....			
31/12	PKT114	31/12	Kết chuyển giá vốn quý IV	911		44,211,017,922
			<b>Cộng phát sinh quý IV</b>		<b>44,211,017,922</b>	<b>44,211,017,922</b>

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên)*

**2.2.3*****Kế toán chi phí******bán hàng******2.2.3.1 Đặc điểm của chi phí***

Công ty CP CNP Hải Phòng là đơn vị hoạt động kinh doanh thương mại các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bán hàng được hạch toán vào TK 641.

Căn cứ vào đặc điểm về mô hình tổ chức kinh doanh, về tính chất của từng mặt hàng, thì chi phí bán hàng được chi tiết thành các khoản mục chi phí.

- Chi phí tiền lương kinh doanh được xác định đơn giá tiền lương (tỷ lệ % trên doanh thu) do công ty quy định.

Công ty tính lương cho cán bộ công nhân viên theo lương sản phẩm để khuyến khích người lao động, công ty còn có khoản tiền thưởng dành cho những người làm trong những ngày lễ, ngày tết.

Hàng tháng, phòng Kinh doanh sẽ tập hợp toàn bộ lượng hàng bán buôn, bán lẻ của toàn công ty. Sau đó sẽ gửi cho phòng Hành chính sự nghiệp để tính lương và các khoản trích theo lương cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Cuối tháng, kế toán trưởng tính lương toàn doanh nghiệp và kết chuyển vào chi phí, bằng cách ghi:

Nợ TK 641

Có TK 334

- Chi phí khấu hao TSCĐ được tính trên số năm sử dụng. Căn cứ vào sổ chi tiết TSCĐ được lập và bảng phân bổ khấu hao TSCĐ. Cuối tháng kế toán trưởng căn cứ vào bảng tính vào phân bổ khấu hao cho từng đối tượng, kế toán hoạch toán bình thường. Khấu hao TSCĐ phục vụ cho hoạt động bán hàng thì hạch toán vào chi phí bằng cách ghi:

Nợ TK 641

Có TK 214

- Chi quảng cáo tiếp thị, giao dịch tiếp khách: chi theo thực tế phát sinh nhưng không được vượt quá quy định của công ty.

- Chi phí vận chuyển: là các chi phí vận chuyển hàng hoá từ kho của công ty đến các cửa hàng bán lẻ, chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng vận chuyển đã được ký.

- Các khoản chi phí bằng tiền khác: Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí văn phòng và công tác, ....

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh. Toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí bán hàng không có số dư cuối.

#### 2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

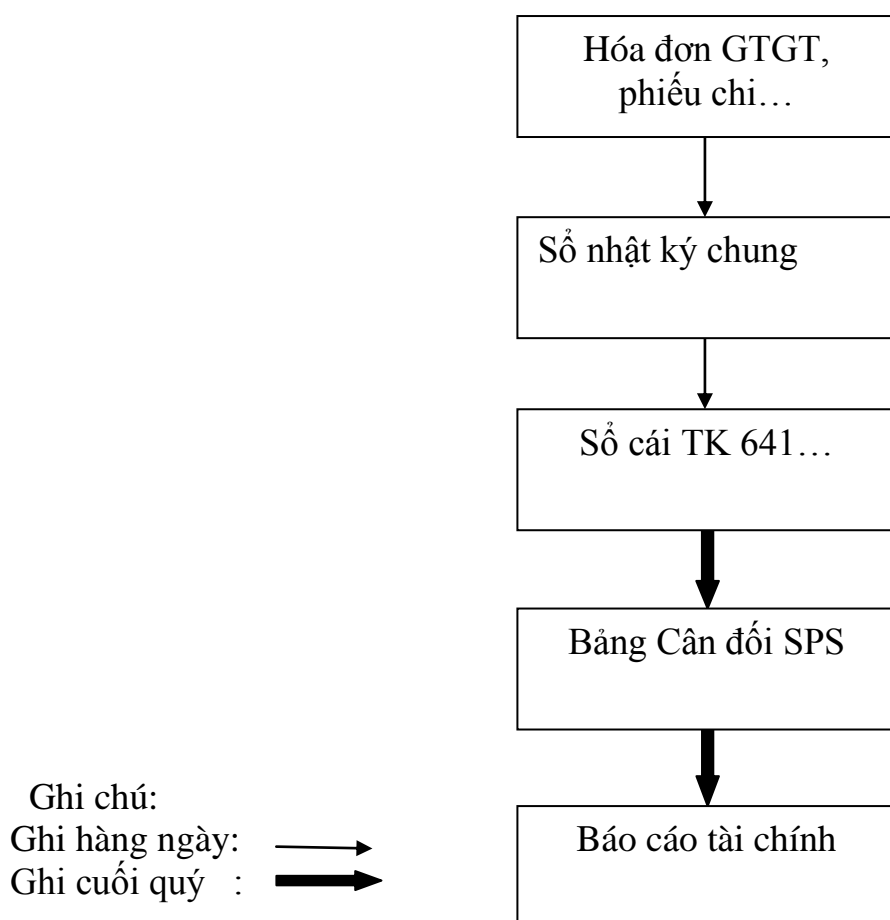
- TK 641: Chi phí bán hàng .
- Các tài khoản có liên quan: TK 111, 112, 133...

#### 2.2.3.3 Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Bảng lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Hoá đơn GTGT, phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 641



2.2.3.4 Quy trình hạch toán



- Dựa vào chứng từ gốc như hợp đồng kinh tế, phiếu chi, ủy nhiệm chi kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 111, 112, 641, 133...
- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC.

**Ví dụ:** Ngày 30/12, *Bảng tính và thanh toán lương cho bộ phận bán hàng của công ty tháng 12/2012 có:*

<i>Lương phải trả công nhân viên</i>	: 36,167,000 đ
<i>Các khoản trích trừ vào lương ( 9,5% )</i>	: 3,435,865 đ
<i>Các khoản trích tính vào chi phí ( 23% )</i>	: 8,318,410 đ

*Phiếu chi số 153 ngày 30/12/2012 thanh toán lương T12/2012 cho bộ phận bán hàng là 32,731,135 đ*

Căn cứ vào bảng tính lương, phiếu chi kế toán ghi vào sổ kế toán có liên quan theo định khoản như sau:

Tính lương phải trả T12/2012:

Nợ TK 641 : 36,167,000

Có TK 334 : 36,167,000

Các khoản trích theo lương:

Nợ TK 334 : 3,435,865

Nợ TK 641 : 8,318,410

Có TK 338 : 11,754,275

Thanh toán lương tháng 12:

Nợ TK 334 : 32,731,135

Có TK 111 : 32,731,135

Căn cứ vào các chứng từ phát sinh nghiệp vụ, kế toán ghi vào:

- Nhật ký chung ( biểu số 3 )
- Sổ cái TK 641 ( biểu số 10 )
- Sổ cái các TK có liên quan : TK 111, 334, 338...

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các TK lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.



**Công ty CP CNP Hải Phòng  
Số 84 Điện Biên Phủ**

**Biểu số 10**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 641: Chi phí bán hàng  
Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh quý IV</b>			
			.....			
30/12	PC 152	30/12	Thanh toán tiền tiếp thị sản phẩm	111	6,000,000	
30/12	BPBKH	30/12	Trích KH TSCĐ bộ phận bán hàng	214	78,298,265	
<b>30/12</b>	<b>BLT12</b>	<b>30/12</b>	<b>Tính lương phải trả bộ phận BH</b>	<b>334</b>	<b>36,167,000</b>	
<b>30/12</b>	<b>BLT12</b>	<b>30/12</b>	<b>Các khoản tính vào CP</b>	<b>338</b>	<b>8,318,410</b>	
31/12	PKT114	31/12	Kết chuyển chi phí	911		2,098,335,521
			<b>Cộng phát sinh trong quý</b>		<b>2,098,335,521</b>	<b>2,098,335,521</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Người lập biểu**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*  
*(Trích sổ cái TK 641 quý IV năm 2012)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên)*

**2.2.4****Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp***2.2.4.1 Đặc điểm của chi phí*

- Chi phí quản lý doanh nghiệp được sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến quản lý doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty chủ yếu là chi phí về lương, vật liệu văn phòng, phí và lệ phí, và các chi phí khác liên quan đến quản lý doanh nghiệp.
- Các khoản chi phí phát sinh được phản ánh vào tài khoản này phải có căn cứ hợp pháp, chứng từ xác thực.
- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
- Tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ.

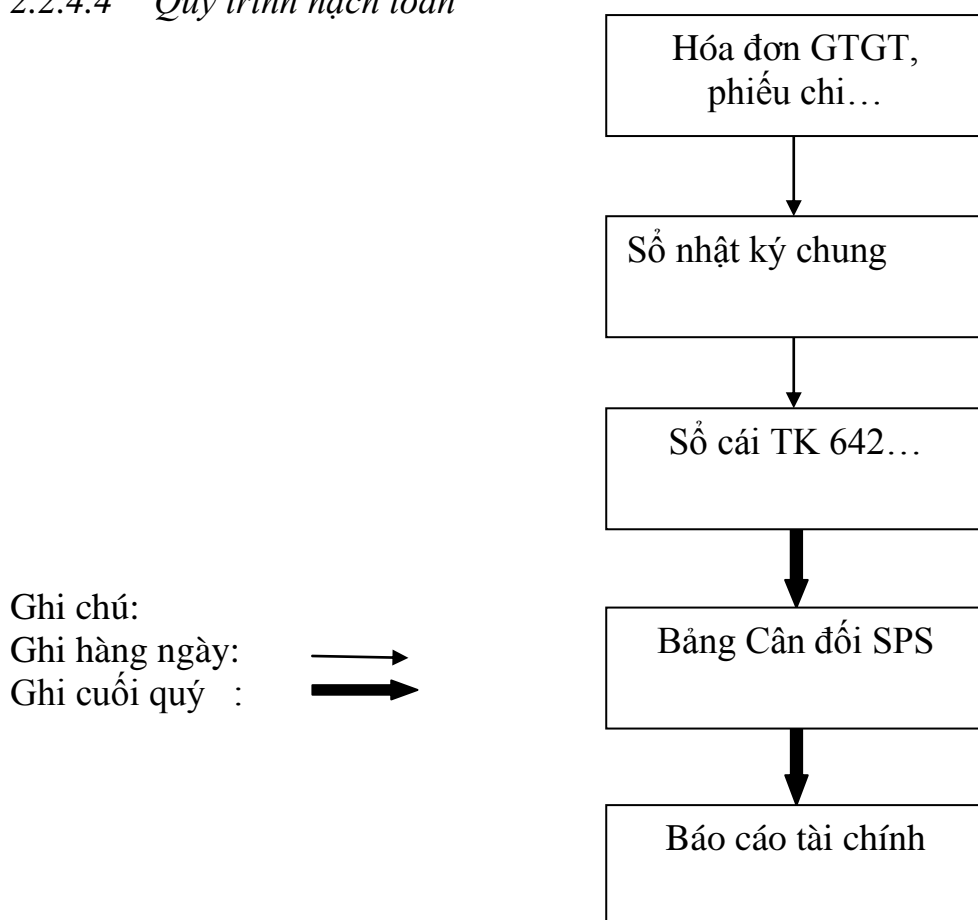
*2.2.4.2 Tài khoản sử dụng*

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 133,...

*2.2.4.3 Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Phiếu chi, hóa đơn GTGT
- Ủy nhiệm chi
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.4 Quy trình hạch toán



- Hằng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 111, 112, 642, 133...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC.

**Ví dụ:** Ngày 05/12/2012, căn cứ vào hóa đơn GTGT số 003524 và phiếu chi số 058 về việc thanh toán tiền tiếp khách. Kế toán ghi sổ theo định khoản:

Nợ TK 642	: 3,547,000
Nợ TK 133	: 354,700
Có TK 111	: 3,901,700

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung ( biểu số 3), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 13) và sổ cái TK 133, TK 111.

Cuối quý căn cứ vào sổ cái các TK lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

**Biểu số 11: Hóa đơn GTGT**

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số:01GTKT3/001																
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu : AA/11P																
Liên 2: Giao cho khách hàng			<b>003524</b>																
Ngày 05 tháng 12 năm 2012																			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen.....																			
Địa chỉ: Trường Âu Cơ – Nhật Tân – Tây Hồ - Hà Nội .....																			
Số tài khoản: .....																			
Điện thoại:.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>1</td><td>4</td><td>6</td><td>9</td><td>9</td><td>8</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>						0	1	0	1	4	6	9	9	8	3				
0	1	0	1	4	6	9	9	8	3										
Họ tên người mua hàng: Trần Thị Phương .....																			
Tên đơn vị: Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng .....																			
Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ - Hải Phòng .....																			
Số tài khoản: 710 A 00035 .....																			
Hình thức thanh toán: Tiền mặt .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>8</td><td>7</td><td>8</td><td>8</td><td>9</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td></tr></table>						0	2	0	0	2	8	7	8	8	9	0	0	1	1
0	2	0	0	2	8	7	8	8	9										
0	0	1	1																
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
1	2	3	4	5	6=4x5														
1	Tiếp khách (ăn uống)				3,547,000														
Cộng tiền hàng:					3,547,000														
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		354,700															
Tổng cộng tiền thanh toán :					<b>3,901,700</b>														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba triệu, chín trăm linh một nghìn, bảy trăm đồng chẵn./.</i>																			

<b>Người mua hàng</b> Số 84 Điện Biên Phủ <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)	<b>Thủ trưởng đơn vị</b> Mẫu số 1 TT <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>
--	---	---

**Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng**

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số phiếu: PC 058

Tài khoản: 642 , 133

Tài khoản đ/ư: 1111

**PHIẾU CHI**

Ngày 5/12/2012

Họ tên người nhận tiền: Trần Thị Phương

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 3,901,700

Bằng chữ: Ba triệu, chín trăm linh một nghìn, bảy trăm đồng chẵn .

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Số chứng từ gốc: HĐ 003524

Ngày 05 tháng 12 năm 2012

**GIÁM ĐỐC**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
*(Ký, họ tên)*

**NGƯỜI LẬP PHIẾU**  
*(Ký, họ tên)*

**NGƯỜI NHẬN TIỀN**  
*(Ký, họ tên)*

**THỦ QUỸ**  
*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền ( viết bằng chữ ) :

+Tỷ giá ngoại tệ( vàng, bạc, đá quý ) .....

+Số tiền quy đổi.....



**Biểu số 12: Phiếu chi**

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng  
Số 84 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

**Biểu số 13**

**SỔ CÁI**

Tài khoản : 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu quý			
			Số phát sinh quý IV			
			.....			
03/12	BN 121	03/12	Phí chuyển tiền	112	20,000	
<b>05/12</b>	<b>PC058</b>	<b>05/12</b>	<b>Thanh toán tiền tiếp khách</b>	<b>111</b>	<b>3,547,000</b>	
			.....			
14/12	PC070	14/12	Trả cước điện thoại tháng 11	111	1,560,303	
			.....			
30/12	BPBKH	30/12	Trích khấu hao TSCĐ ở BPQL	214	58,356,295	
31/12	PKT114	31/12	Kết chuyển giá vốn quý IV	911		250,038,314
			<b>Cộng phát sinh quý IV</b>		<b>250,038,314</b>	<b>250,038,314</b>

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

(Trích sổ cái TK 642 quý IV năm 2012)

### ***2.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính***

Chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay phải trả và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng, doanh thu về đầu tư trái phiếu. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

#### ***2.2.5.1 Tài khoản sử dụng***


- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.
- Các tài khoản khác có liên quan.


#### ***2.2.5.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng***

- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ.
- Giấy báo có.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 515, TK 635.

#### ***2.2.5.3 Quy trình hạch toán***

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối quý : 

- Hằng ngày, căn cứ vào GBN, GBC, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 515, 635, 112...
- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập BCTC.

**Ví dụ 1:**

Căn cứ vào giấy báo có số 124 ngày 01/12/2012 ngân hàng công thương quận Lê Chân về việc nhận lãi tiền gửi tháng 11 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 112 : 1,995,000

Có TK 515 : 1,995,000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 3). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 515 (Biểu số 14)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 515 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

**Ví dụ 2:**

Căn cứ vào giấy báo nợ số 127 ngày 30/12/2012, ngân hàng công thương quận Lê Chân về việc nhận trả lãi tiền vay và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 635 : 18,798,469

Có TK 112 : 18,798,469

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào nhật ký chung ( Biểu số 3). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 635( Biểu số 15)

Cuối quý căn cứ vào sổ cái TK 635 để lập bảng cân đối số phát sinh, bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

**Công ty CP công nghệ phẩm Hải  
Phòng  
Số 84 Điện Biên Phủ - Hải Phòng**

**Biểu số 14**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong quý			
....	...	....	....	....	...	
<b>01/12</b>	<b>BC 124</b>		<b>Lãi tiền gửi NH công thương</b>	<b>112</b>		<b>1,995,000</b>
			....			
30/12	BC 170	30/12	Ngân hàng Techcombank trả lãi tiền gửi	112		5,552,600
31/12	PKT113	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	911	250,256,209	
			<b>Cộng phát sinh trong quý</b>		<b>250,256,209</b>	<b>250,256,209</b>
			Số dư cuối kỳ			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)  
(Trích sổ cái TK 515 quý IV năm 2012)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng**  
**Số 84 Điện Biên Phủ - Hải Phòng**

**Biểu số 15**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính  
 Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh trong quý</b>			
....	...	....	....	....	...	
14/12	BN 115	14/12	Trả lãi tiền vay ngân hàng Techcombank	112	60,502,800	
			....			
<b>30/12</b>	<b>BN 127</b>	<b>30/12</b>	<b>Lãi vay phải trả ngân hàng công thương</b>	<b>112</b>	<b>18,798,469</b>	
31/12	PKT114	31/12	K/c CP hoạt động tài chính	911		1,012,268,521
			<b>Cộng phát sinh trong quý</b>		<b>1,012,268,521</b>	<b>1,012,268,521</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Người lập biểu**  
 (Ký, họ tên)

**Kê toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên)

### ***2.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác***

Thu nhập khác là các khoản thu nhằm làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài, các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền cho thuê, thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ, các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoãn lại. Tại công ty các khoản thu khác phát sinh không nhiều chủ yếu là từ thanh lý nhượng bán tài sản.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý.

#### ***2.2.6.1 Tài khoản sử dụng***

TK 711: Thu nhập khác

TK 811: Chi phí khác

Các tài khoản khác có liên quan: 111, 3331, 211, 214

#### ***2.2.6.2 Chứng từ, sổ sách sử dụng***

- Hoá đơn GTGT
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 711, TK 811

#### ***2.2.6.3 Quy trình hạch toán***

- Hằng ngày, căn cứ vào phiếu thu, biên bản nhượng bán TSCĐ... kế toán hạch toán vào sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung kế toán vào sổ cái các tài khoản có liên quan như TK 711, 811, 111, 214...



- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

**Ví dụ:** Căn cứ vào biên bản nhượng bán ngày 5/12/2012 về việc thanh lý TSCĐ ô tô 4 chỗ và các chứng từ khác có liên quan. Kế toán ghi vào các sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 112	: 95,000,000
Có TK 711	: 86,363,636
Có TK 3331	: 8,636,364
Nợ TK 811	: 80,377,270
Nợ TK 214	: 1,015,178,434
Có TK 211	: 1,095,555,704
Nợ TK 811	: 8,500,000
Nợ TK 133	: 850,000
Có TK 112	: 9,350,000

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 3), căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 711( Biểu số 18), sổ cái TK 811( Biểu số 19) và sổ cái TK 211, 333,214,112,133. Cuối quý căn cứ vào sổ cái các TK lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập BCTC.

**Biểu số 16:**

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng

Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ - Hải Phòng

**BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ**

Ngày 5 tháng 12 năm 2012

Số: 62

Nợ: 214, 811

Có: 211

Căn cứ vào quyết định số 62 ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Giám đốc công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng về việc thanh lý TSCĐ.

I/ Ban thanh lý TSCĐ gồm:

\*Bên thanh lý (Bên A):

-Bà: Nguyễn Thị Tuyết Len                      Chức vụ: Giám đốc                      Trưởng ban

-Bà: Trần Thị Phương                              Chức vụ: Kế toán                              Ủy viên

\*Bên mua (Bên B):

-Ông: Nguyễn Văn Đạt                              Chức vụ: Phó giám đốc                      Trưởng ban

-Ông: Nguyễn Tiến Hùng                              Chức vụ: Nhân viên kinh doanh                      Ủy viên

II/ Tiến hành thanh lý TSCĐ

-Tên TSCĐ: Xe ô tô BMV16H – 4808

-Mã TSCĐ: 37

-Nguyên giá TSCĐ: 1,095,555,704 đồng

-Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 1,015,178,434 đồng

-Giá trị còn lại của TSCĐ : 80,377,270 đồng

III/ Kết luận của ban thanh lý: Thanh lý xe ô tô 4 chỗ 16H 4808

Ngày 5 tháng 12 năm 2012

**Trưởng ban thanh lý**

( Ký, họ tên)

IV/ Kết quả thanh lý TSCĐ

-Chi phí thanh lý TSCĐ: 8,500,000 (chưa thuế)

-Giá trị thu hồi: 95,000,000

-Đã ghi giảm số TSCĐ ngày 5 tháng 12 năm 2012

Ngày 5 tháng 12 năm 2012

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Trưởng ban thanh lý**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 17:**

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập \_ Tự do \_ Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG BÁN XE Ô TÔ**

Số: B36

Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng tôi gồm:

**BÊN BÁN( Bên A):** Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng

Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

Số TK ngân hàng: 710 A 00035

Tại ngân hàng: Công thương quận Lê Chân

Do bà: Nguyễn Thị Tuyết Len

Chức vụ: Giám đốc

**BÊN MUA( Bên B):** Công ty TNHH Sao Mai

Địa chỉ: Số 64 Đà Nẵng, Hải Phòng

Do ông: Nguyễn Văn Đạt

Chức vụ: Phó giám đốc

Chúng tôi tự nguyện cùng nhau lập và ký bản hợp đồng này để thực hiện việc mua bán ô tô, với những điều khoản được hai bên bàn bạc và thỏa thuận như sau:

1. Bằng hợp đồng này, bên A đồng ý bán cho bên B 01 chiếc xe ô tô. Thông số xe như sau:

Theo đăng ký xe ô tô số 005393

Tên chủ xe: công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng

Giá mua bán xe ô tô hai bên tự thỏa thuận là: 180,000,000 đồng

Giá trên đã bao gồm thuế GTGT. Bên A xuất hóa đơn GTGT

Thủ tục sang tên đổi chủ, lệ phí trước bạ do bên B chịu

2. Bên A cam kết: Khi đem bán chiếc xe trên, bên A không cầm cố, không hứa bán, không đem cho, không chuyển nhượng hoặc có bất kỳ thỏa thuận nào khác về việc mua bán chiếc xe này, đồng thời đã thông báo cho bên B biết về tình trạng kỹ thuật của chiếc xe trên. Nếu sai bên A xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi hậu quả trước pháp luật, kể cả việc thỏa thuận mua bán.

3. Bên B cam kết: Đã xem xét, biết rõ tình trạng kỹ thuật của xe hoàn toàn đồng ý mua chiếc xe trên như hiện trạng và đã nhận đủ bản chính giấy tờ đăng ký xe ô tô, các giấy tờ kèm theo xe cùng chiếc xe. Đồng thời bên B cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về việc đăng ký sang tên theo quy định.

4. Thanh toán:

Bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng chuyển khoản.

Hải Phòng, ngày 5 tháng 12 năm 2012

Bên bán

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Bên mua

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng  
 Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

**Biểu số 18**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 711 - Thu nhập khác  
 Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý			
			Số phát sinh trong quý			
05/12	BC170	05/12	Thu tiền thanh lý xe ô tô 4 chỗ BMW16H - 4808	112		86,363,636
31/12	PKT113	31/12	K/c thu nhập khác	911	86,363,636	
			Cộng phát sinh trong quý		86,363,636	86,363,636
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)

(Trích sổ cái TK 711 quý IV năm 2012)

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng  
 Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

**Biểu số 19**

**SỔ CÁI**

Tài khoản 811 - Chi phí khác

Quý IV năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu quý			
			Số phát sinh trong quý			
05/12	PKT105	05/12	GTCL của ô tô	211	80,377,270	
05/12	BN123	05/12	Chi phí thanh lý ô tô	112	8,500,000	
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí khác	911		88,877,270
			<b>Cộng phát sinh trong quý</b>		<b>88,877,270</b>	<b>88,877,270</b>

**Người lập biểu**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)  
 (Trích sổ cái TK 811 quý IV năm 2012)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên)

## 2.2.7 Xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.7.1 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng loại hình kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Tài khoản kế toán sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các tài khoản khác có liên quan.

### 2.2.7.2 Nguyên tắc hạch toán

Sau một kỳ kế toán cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Trên tài khoản 911 cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.



## 2.2.7.3 Phương pháp xác định kết quả kinh doanh

DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

Cuối mỗi quý, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD} = \mathbf{DTT} - \mathbf{CP} + \mathbf{KQTC} + \mathbf{KQHĐ\ khác}$$

Trong đó:

Chi phí = Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí QLDN

KQTC = Doanh thu HĐTC - Chi phí HĐTC

KQHĐ khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

**Ví dụ:**

Cuối tháng 12 kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý IV. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển vào phiếu kế toán. Từ phiếu kế toán, kế toán vào sổ sách liên quan.

- Tổng số phát sinh bên Có TK 911	: 48,793,764,085
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 48,457,144,240
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	: 250,256,209
Kết chuyển thu nhập khác	: 86,363,636
- Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911	: 47,660,537,548
Kết chuyển giá vốn bán hàng	: 44,211,017,922
Kết chuyển chi phí bán hàng	: 2,098,335,521
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	: 250,038,314
Kết chuyển chi phí tài chính	: 1,012,268,521
Kết chuyển chi phí khác	: 88,877,270
- Thu nhập chịu thuế = 48,793,764,085 - 47,660,537,548 = 1,133,226,537	
- Thuế TNDN phải nộp = 1,133,226,537 x 25 % = 283,306,634	
- Lợi nhuận sau thuế = 1,133,226,537 - 283,306,634 = 849,919,903	

**Biểu số 20:****PHIẾU KẾ TOÁN****Ngày 31 tháng 12 năm 2012  
Số 113**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	48,457,144,240
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	250,256,209
3	Thu nhập khác	711	911	86,363,636
	Tổng			<b>48,793,764,085</b>

**Biểu số 21:****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Số 114**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK 911			
1	Giá vốn hàng bán	911	632	44,211,017,922
2	Chi phí bán hàng	911	641	2,098,335,521
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	250,038,314
4	Chi phí tài chính	911	635	1,012,268,521
5	Chi phí khác	911	811	88,877,270
6	Chi phí thuế TNDN	911	821	283,306,634
7	Lợi nhuận sau thuế	911	421	849,919,903
	<b>Tổng</b>			<b>48,793,764,085</b>



**Biểu số 22:**

**Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng**  
**Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh**  
*Quý IV năm 2012*

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh trong quý</b>			
31/12	PKT113	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		48,457,144,240
31/12	PKT113	31/12	K/c doanh thu tài chính	515		250,256,209
31/12	PKT113	31/12	K/c thu nhập khác	711		86,363,636
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	250,038,314	
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	2,098,335,521	
31/12	PKT114	31/12	K/c giá vốn	632	44,211,017,922	
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí khác	811	88,877,270	
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	283,306,634	
31/12	PKT114	31/12	Kết chuyển lãi chưa phân phối	421	849,919,903	
			<b>Cộng phát sinh tháng 12</b>		<b>48,793,764,085</b>	<b>48,793,764,085</b>
			<b>Số dư cuối quý</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 23:**

**Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng**  
**Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**  
*Quý IV năm 2012*

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>Số phát sinh trong quý</b>			
31/12	PKT112	31/12	Chi phí thuế TNDN quý IV	3334	283,306,634	
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911		283,306,634
			<b>Cộng phát sinh quý</b>		<b>283,306,634</b>	<b>283,306,634</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 24:**

**Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng**

**Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN**  
**TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối**  
*Quý IV năm 2012*

*Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi số	CHỨNG TỪ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày CT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<u>1,652,236,231</u>
			<b>Số phát sinh trong quý</b>			
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911		849,919,903
			<b>Cộng phát sinh quý</b>			849,919,903
			<b>Số dư cuối năm</b>			<b><u>2,502,156,134</u></b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người lập biểu**  
*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**  
*(Ký, họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên)*



**Biểu số 25:****Mẫu số B02 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV	Quý III
<b>1.Doanh thu bán hàng và CCDV</b>	<b>01</b>	VI.25	<b>48,457,144,240</b>	<b>45,578,369,486</b>
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10=01- 02)</b>	<b>10</b>		<b>48,457,144,240</b>	<b>45,578,369,486</b>
<b>4.Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	VI.27	<b>44,211,017,922</b>	<b>42,331,062,324</b>
<b>5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4,246,126,318</b>	<b>3,247,307,162</b>
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	250,256,209	50,302,965
7.Chi phí tài chính	22	VI.28	1,012,268,521	831,968,741
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,012,268,521	831,968,741
8.Chi phí bán hàng	24		2,098,335,521	1,190,062,711
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		250,038,314	248,263,700
<b>10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21 - 22) -(24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>1,135,740,171</b>	<b>1,027,314,975</b>
11.Thu nhập khác	31		86,363,636	-
12.Chi phí khác	32		88,877,270	-
<b>13.Lợi nhuận khác(40=31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(2,513,634)</b>	<b>-</b>
<b>14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1,133,226,537</b>	<b>1,027,314,975</b>
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	283,306,634	256,828,744
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
<b>17.Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>849,919,903</b>	<b>770,486,231</b>
<b>18.Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

**CHƯƠNG III****HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PHẨM HẢI PHÒNG****3.1 NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY  
CP CÔNG NGHỆ PHẨM HẢI PHÒNG****3.1.1 Những mặt ưu điểm****3.1.1.1 Đối với công tác kế toán nói chung:**

Nhìn chung công tác kế toán của công ty đã đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng nhu cầu hạch toán, phản ánh được tình hình sử dụng lao động, tiền vốn ... Công ty đã tiến hành quản lý và đánh giá doanh thu, tập hợp đầy đủ các khoản chi phí mà nhờ đó xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra, xử lý và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với trình độ và năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty đảm bảo nguyên tắc chuyên môn hoá., đồng thời các nhân viên kế toán có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời.

**3.1.1.2 Hình thức, chứng từ và sổ sách kế toán áp dụng****❖ Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung,

theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Ưu điểm của phương pháp này là tránh được việc ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh và tổng hợp số liệu nhanh để lưu báo cáo tài chính một cách chính xác.

❖ Chứng từ kế toán

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty được áp dụng theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định 15/2006 QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Nhìn chung, những thông tin kinh tế đã được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc đối chiếu kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ cẩn thận, thuận lợi cho việc tìm kiếm đối chiếu số liệu.

❖ Về tổ chức bộ sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung phù hợp với yêu cầu quản lý và quy mô của công ty. Hệ thống sổ sách của công ty hoàn chỉnh, gọn nhẹ, có độ tin cậy cao.

*3.1.1.3 Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

– Về tổ chức kế toán doanh thu : Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc hạch toán doanh thu được theo dõi chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình kinh doanh hàng hóa để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

– Về công tác kế toán chi phí : Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán

chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

– Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

– Hiện nay, sau mỗi quý, kế toán trưởng tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty trong quý để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp cho nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

Trong những năm đầu mới thành lập, công ty đã cố gắng xây dựng bộ máy quản lý cũng như xây dựng bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn, nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý và công ty đã đạt được những thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với những mặt ưu điểm thì công tác hạch toán kế toán của công ty vẫn còn những mặt tồn tại.

### **3.1.2 Những hạn chế chung**

#### *3.1.2.1. Việc thu hồi công nợ.*

- Tại các cửa hàng: Đối với hình thức bán lẻ ở các cửa hàng thì công ty đã quy định cụ thể và hợp lý về định kỳ nộp các chứng từ bán hàng và tiền hàng về công ty, nhưng chưa có quy định về định mức công nợ tại từng thời điểm cho các cửa hàng thực hiện. Do đó việc kiểm soát công nợ các cửa hàng từng thời điểm có khó khăn và chưa có căn cứ để kiểm soát đối chiếu, do đó tồn quỹ lớn làm ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Tại các đại lý: Các cửa hàng muốn làm đại lý kinh doanh của công ty, sau khi đáp ứng các điều kiện kinh doanh thì công ty sẽ tiến hành mở đại lý. Công ty tổ chức bán hàng qua các đại lý nhưng chưa quy định thời gian phải thanh toán tiền hàng. Do đó việc thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn, làm cho vòng quay vốn giảm ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

#### *3.1.2.2. Về tài khoản hạch toán chi phí.*

Công ty không tiến hành mở sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp TK 642 làm cho công ty không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí nằm trong TK 642 như: Chi phí lương nhân viên quản lý, chi phí khấu hao phục vụ công tác quản lý,...

#### *3.1.2.3. Về việc áp dụng chiết khấu.*

Hiện tại công ty chỉ áp dụng chính sách giảm giá hàng bán, khi khách hàng là các đại lý thuộc công ty hoặc là các khách hàng mua với số lượng lớn công ty áp dụng giảm giá ngay trên giá mua. Bên cạnh đó, công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ trước thời hạn. Nếu công ty sử dụng chiết khấu thanh toán thì sẽ có một công cụ tốt giúp công ty thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn.

Tại công ty có 2 hình thức bán buôn và bán lẻ. Bán lẻ thì không áp dụng chiết khấu thanh toán mà chỉ áp dụng khuyến mãi bằng phụ kiện, các đồ khuyến mại theo chương trình chung. Với hình thức bán buôn, chủ yếu là bán cho các đại lý, vì vậy khoản chiết khấu này áp dụng thông qua các đại lý.

#### *3.1.2.4. Về hoàn thiện sổ sách kế toán.*

Công ty ghi sổ Nhật ký chung áp dụng theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định 15/2006 QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ

tài chính. Nhìn chung, những thông tin kinh tế đã được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ nhưng chưa phản ánh đầy đủ các cột của mẫu sổ Nhật ký chung theo đúng quyết định 15/2006 QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

#### *3.1.2.5. Về việc xây dựng mạng lưới máy tính*

Hiện nay internet là một công cụ liên kết nhanh và tìm kiếm rất hiệu quả nhưng công ty vẫn chưa có mạng máy tính nội bộ. Vì vậy, bất cứ khi nào Giám đốc hoặc các bộ phận khác cần các thông tin từ phòng kế toán, đều phải đến phòng kế toán để lấy số liệu. Việc này gây mất thời gian cho người cần thông tin, làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc chung.

### **3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng.**

#### ***3.2.1 Sự cần thiết và yêu cầu của việc hoàn thiện.***

Kế toán là một bộ phận cấu thành của công cụ quản lý kinh tế tài chính, có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế, căn cứ vào các số liệu kế toán cung cấp để các nhà quản lý có thể lập và kiểm tra kế hoạch sản xuất kinh doanh. Đồng thời trên cơ sở phân tích các số liệu kế toán mà các nhà quản trị có thể đưa ra biện pháp và phương hướng kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất.

Đối với một doanh nghiệp Thương Mại với chức năng chủ yếu là lưu thông hàng hoá mà công tác kế toán doanh thu, chi phí lại ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, kết quả kinh doanh trong một thời kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí chiếm một tỷ trọng lớn trong công tác kế toán của doanh nghiệp Thương Mại. Chúng đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ các yếu tố: giá vốn, quá trình thanh toán, thu hồi công nợ và các khoản chi phí có liên quan. Điều này giúp cho việc hạch toán kết quả kinh doanh được chính xác, tiết kiệm được chi phí, tăng vòng quay vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước.

Ngày nay khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải cung cấp các thông tin về tình hình tài chính của mình phải kịp thời, trung thực và đầy đủ đối với các đối tác, ngân hàng và các cơ quan quản Nhà nước. Để làm được điều đó thì công ty phải có một mô hình bộ máy kế toán hợp lý, các nhân viên với trình độ chuyên môn giỏi...Điều đó chính là một đòi hỏi khách quan cho việc hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Từ những đòi hỏi khách quan nói trên thì việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi:

- Việc hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực mà công ty kinh doanh bởi vì trên thực tế có những loại hình kinh doanh thì phù hợp với hình thức kế toán này nhưng cũng có những mô hình kinh doanh lại không phù hợp với hình thức kế toán ấy.

- Cần phải kết hợp giữa bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc đưa ra các phương hướng hoàn thiện.

- Biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có tính khả thi, tức là chi phí bỏ ra cho công việc hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà chúng đem lại cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng luật pháp, các chế độ tài chính chuẩn mực kế toán mà Nhà nước và Bộ Tài Chính đã ban hành.

### ***3.2.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng.***

Mặc dù công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty được tổ chức khá khoa học và hiệu quả nhưng với mong muốn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý, em xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

### 3.2.2.1. Việc thu hồi công nợ.

- Để quản lý và thực hiện tốt hơn quá trình bán hàng tại các cửa hàng, công ty nên quy định cụ thể về định mức công nợ tại từng thời điểm và cuối tháng đối với từng cửa hàng, qua đó sẽ kiểm soát được tình hình công nợ, giúp công ty đạt hiệu quả cao trong kinh doanh.

- Đối với các hộ kinh doanh là đại lý của công ty. Công ty nên quy định thời gian thanh toán tiền hàng ví dụ trong một tháng. Để công ty thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn công ty có thể sử dụng chiết khấu thanh toán. Như vậy, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng bị chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp như:

- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng ngành.
- Công ty cũng có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Chính sách chiết khấu thanh toán được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 10 đến ngày 17 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.1%.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 18 đến ngày 25 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.05%.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 -Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí cty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)



Hàng tháng, kế toán tổng hợp căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng để ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 635 : Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 131,111,112 : Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911 : Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635 : Chiết khấu thanh toán

**Ví dụ:** Tính đến hết ngày 31/12/2012 cty TNHH TM& DV Thăng Thảo còn nợ công ty là 263.860.686 đ

- Nếu công ty TNHH TM& DV Thăng Thảo thanh toán tiền hàng trong vòng 10 đến 17 ngày sau ngày bán sẽ hưởng mức chiết khấu 0.1%

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng là:  $263.860.686 * 0.1\% = 263.861$  đ

Số tiền công ty thực thu:  $263.860.686 - 263.861 = 263.596.825$  đ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 263.861

Có TK 131 : 263.861

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911 : 263.861

Có TK 635 : 263.861

- Nếu công ty TNHH TM& DV Thăng Thảo thanh toán tiền hàng trong vòng 18 đến 25 ngày sau ngày bán sẽ được hưởng mức chiết khấu 0.05%

Chiết khấu thanh toán cho khách hàng:  $263.860.686 * 0.05\% = 131.930$  đ

Số tiền công ty thực thu:  $263.860.686 - 131.930 = 263.728.756$  đ.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635 : 131.930

Có TK 131 : 131.930



**Biểu số 1:**

Công ty CP công nghệ phẩm Hải Phòng

Địa chỉ: Số 84 Điện Biên Phủ, Hải Phòng

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Tài khoản: 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Quý IV năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Chia ra					
SH	Ngày tháng				6421	6422	6424	6425	6427	6428
		.....			.....	.....				
BN 121	03/12	Phí chuyển tiền	112	20,000				20,000		
PC058	05/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	3,547,000						3,547,000
		.....								
PC070	14/12	Trả cước điện thoại tháng 11	111	1,560,303					1,560,303	
		.....								
BPBKH	30/12	Trích khấu hao TSCĐ ở BPQL	214	58,356,295			58,356,295			
		<b>Cộng</b>		<b>250,038,314</b>	<b>84,733,409</b>	<b>30,355,843</b>	<b>63,486,648</b>	<b>15,326,952</b>	<b>20,289,635</b>	<b>35,845,827</b>

*3.2.2.3. Về việc hoàn thiện mẫu sổ kế toán.*

Kế toán cần ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào đầy đủ các cột trong mẫu sổ Nhật ký chung theo đúng chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định 15/2006 QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Dưới đây, em xin mở sổ Nhật ký chung theo đúng quyết định 15/2006 QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính :

**Biểu số 2:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PHẨM HẢI PHÒNG  
SỐ 84 ĐIỆN BIÊN PHỦ

**Mẫu số: S03a-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Quý IV năm 2012**

Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			.....					
02/12	PX152	02/12	Gía vốn hàng bán Cty CP quốc tế Samnec	x		632	300,000,000	
02/12	PX152	02/12	Hàng hóa	x		156		300,000,000
02/12	HĐ0053693	02/12	Thu tiền bán hàng bằng CK	x		112	404,800,000	
02/12	HĐ0053693	02/12	Doanh thu bán hàng	x		511		368,000,000
02/12	HĐ0053693	02/12	VAT tương ứng	x		3331		36,800,000
			.....					
			<b>Cộng chuyển trang sau:</b>				<b>25,810,178,335</b>	<b>25,810,178,335</b>

			<b>Số trang trước chuyển sang:</b>				<b>25,810,178,335</b>	<b>25,810,178,335</b>
			.....					
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí để xác định kết quả kinh doanh	x		911	47,660,537,548	
31/12	PKT114	31/12	K/c giá vốn hàng bán	x		632		44,211,017,922
31/12	PKT114	31/12	K/c CPQL	x		642		250,038,314
31/12	PKT114	31/12	K/c CPBH	x		641		2,098,335,521
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí HĐTC	x		635		1,012,268,521
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí khác	x		811		88,877,270
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	x		911	283,306,634	
31/12	PKT114	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	x		821		283,306,634
31/12	PKT114	31/12	K/c lãi	x		911	849,919,903	
31/12	PKT114	31/12	Lợi nhuận sau thuế	x		421		849,919,903
			<b>Cộng số phát sinh quý IV :</b>				<b>205,652,457,560</b>	<b>205,652,457,560</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích sổ Nhật ký chung quý IV năm 2012)

#### 3.2.2.4. Về việc luân chuyển chứng từ.

Hiện nay theo quy định của công ty, các chứng từ ban đầu là các hoá đơn GTGT thường do phòng Kinh doanh và các cửa hàng lập rồi mới chuyển lên phòng Kế toán. Quy trình luân chuyển như vậy là không sai so với chế độ kế toán hiện hành, song trong quá trình luân chuyển dễ dẫn đến hiện tượng mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ.

#### **Biểu số 3:**

### **PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ**

Từ ngày.... đến ngày....

<b>Tên (sản phẩm, hàng hoá)</b>	<b>Số hiệu chứng từ</b>	<b>Số lượng chứng từ</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ký nhận</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>

### *3.2.2.5. Về việc xây dựng mạng lưới máy tính*

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán Misa, Bravo, phần mềm kế toán Việt Nam – KTVN, Fast, Sasinova... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh.

Để thực hiện giải pháp trên công ty cần tuyển thêm nhân viên kế toán có kinh nghiệm làm việc trên phần mềm kế toán hoặc có kế hoạch cho nhân viên được đào tạo, nâng cao chuyên môn.



## KẾT LUẬN

Việc kinh doanh hàng hoá của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra không những trong thị trường nội địa mà ngay cả thị trường nước ngoài và giảm thiểu chi phí. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hoá trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Xuất phát từ thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung của công ty.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung của khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các anh chị trong phòng kế toán tại công ty cổ phần công nghệ phẩm Hải Phòng để bài khoá luận của em được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khoá luận này.

*Hải phòng, ngày....tháng... năm 2013*

*Sinh viên*

**Đinh Thị Thanh Dung**

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính
  - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
  - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khóa luận của các anh chị khóa trên trường ĐHDL Hải Phòng.